

Phê bình những Phê bình về các Tôn Giáo Dân Tộc

• Lý Khôi Việt

I. Trước hết, Trí thức Việt cần phải thấu hiểu di sản quá khứ

Giáo sư Phan Công Chánh, trong TRIẾT, số 1, với tiểu luận, “Vài Suy Nghĩ Về Số Mạng Xây Dựng Một Hệ Thống Triết Học Việt Nam,” cũng như nhiều trí thức Việt Nam, với tinh thần yêu nước nồng nàn và trong tinh thần tự do, sáng tạo cao độ, đã hô hào phải xây dựng một nền triết học tôn giáo và triết lý chính trị Việt Nam, theo Giáo sư Chánh, để “góp phần tiêu diệt tinh nô lệ và truyền thống nô lệ tu tưởng ngoại lai của giới chính trị Việt Nam nói riêng và giới trí thức Việt Nam nói chung. Nhiều bậc thức giả cũng như nhiều sinh viên Việt sống tại Hoa Kỳ đã lên án sự nô lệ giáo điều ý thức hệ ngoại lai của giới chính trị Việt Nam từ thời Bắc thuộc cho đến nay.”¹

Không những thế, trong tiểu luận trên, Giáo sư Chánh còn cổ vũ cho việc thành hình một tôn giáo Việt Nam và đã nghiêm khắc lên án sự nô lệ tu tưởng của:

“...Phật giáo, Cơ Đốc giáo, và nhiều vị thần ngoại lai khác đã và đang ngự trị đời sống tôn giáo của bao con dân Việt. Nhiều người Việt Nam coi thường các người Á Rập vì

không nhận thức được rằng dân tộc Á Rập không chấp nhận nô lệ tu tưởng tôn giáo mà đã sáng tạo ra Hồi giáo làm quốc giáo cho riêng họ. Đáng lẽ Việt Nam nên noi gương tự chủ tôn giáo của nhiều dân tộc, như Do Thái, Á Rập, và Ấn Độ, để sáng tạo một tôn giáo Việt Nam (Vietnamese religion) cho riêng dân tộc mình, cũng như để phong phú hóa nền tôn giáo thế giới bằng sự đóng góp tu tưởng thần học Việt Nam. Nô lệ tu tưởng và nô lệ hệ ý thức chính trị ngoại lai mà giới chính trị, giới trí thức và giới tôn giáo Việt Nam hằng thực thi đã trở thành một sự kiện lịch sử và một truyền thống văn hóa cực kỳ nguy hiểm. Nô lệ tu tưởng phải được tái nhận thức, tái xác định và tái lên án là một truyền thống phi dân tộc. Phi dân tộc vì tinh thần văn hóa chính trị Việt Nam là Tính Độc Lập, Tính Tự Chủ, Tính Tự Lập, Tính Bất Khuất và Tính Sáng Tạo Tự Thân. Không những phi dân tộc ở cấp độ cao nhất và nguy hiểm nhất, vì tu tưởng là nền móng của đời sống cá nhân và tập thể, nô lệ tu tưởng lại hoàn toàn phi tự nhiên. Không có quan hệ nô lệ hay tự nguyện nô lệ trong thiên nhiên, kể cả trong thế giới động vật. Đường như trong thiên nhiên chỉ có thuộc tính quan hệ tự tại, tự do, tự chủ và tự lập trong toàn bộ quan hệ liên hợp sinh tồn (relationship of existential interdependency) giữa các loại hình thể vật khác nhau. Và vì thế mà Đấng Tối Cao (được gọi với nhiều danh xưng khác nhau, như God trong Cơ Đốc giáo, Allah trong Hồi

Lý Khôi Việt (bút hiệu của Lê Hiếu Liêm), tiến sĩ luật khoa, Sorbonne, chủ trương tạp chí Bông Sen ở Hoa Kỳ. Tác phẩm đã xuất bản: “Hai Ngàn Năm Việt Nam và Phật Giáo (Phật Học Viện Quốc Tế, Hoa Kỳ, 1982) và Bồ Tát Huỳnh Phú Sổ và Phật Giáo Thời Đại (Viện Tư Tưởng Việt Phật, Hoa Kỳ 1995).

1 Phan Công Chánh: Vài suy nghĩ Về Số Mạng Xây Dựng Một Hệ Thống Triết Học Việt Nam. Tạp chí Triết, số ra mắt, San Jose, 1995, tr. 13.

Phê Bình Những Phê Bình..

giáo, Brahman trong Bà La Môn giáo, Đạo trong Lão giáo) được đồng hóa với tự tại tuyệt đối, tự do tuyệt đối, tự chủ tuyệt đối, tự lập tuyệt đối, và tự sáng tạo tuyệt đối. Chấp nhận một tôn giáo ngoại lai làm giáo điều của mình là một mâu thuẫn bản thể (ontological contradiction) nếu không nói là một hủy thể của thuộc tính của Đấng Tối Cao.²

Những người trí thức có tự do trong suy nghĩ, và có tinh thần dân tộc, không thể không đồng ý với chủ trương hủy diệt căn tính nô lệ tư tưởng, ý thức hệ, tôn giáo ngoại lai trong ý hướng xây dựng một nền triết học Việt Nam, một nền quốc đạo Việt Nam- đặc biệt nhất là khi mọi người đã thấy những hậu quả khủng khiếp, những tai hại tàn khốc của sự nô lệ tư tưởng, nô lệ ý thức hệ, nô lệ tôn giáo mà Việt Nam phải gánh chịu hàng trăm năm nay, đặc biệt sự nô lệ tư tưởng Tống Nho của Triều Nguyễn, nô lệ các ý thức hệ Tây Phương của các chế độ chính trị Việt Nam hiện tại cũng như trong quá khứ.

Tuy nhiên, do chưa hiểu biết sâu xa, đến tận cội nguồn văn hóa, lịch sử và tôn giáo Việt Nam, nên một số nhà khoa bảng Việt Nam đã không phân biệt được những ý hệ và tôn giáo có bản chất bất khoan dung, thường đến từ Tây Phương, đã gây biết bao thảm họa đau đớn cho dân tộc vốn khác với những tư tưởng và đạo lý khoan dung, thường xuất phát từ Đông Phương, đã góp phần huy hoàng vào sự nghiệp xây đắp văn hóa, học thuật Việt Nam, triết lý, tư tưởng Việt Nam và vào sự nghiệp cứu nước, giữ nước và dựng nước Việt Nam.

Hãy hỏi: Ai đã quật ngã sự độc tôn văn hóa Trung Hoa và góp phần đập tan chính sách đồng hóa quy mô, dã man của Hán tộc trong suốt hơn một ngàn năm Bắc thuộc, nếu không phải là Phật giáo, một nền văn hóa rất phù hợp với tâm hồn dân tộc và siêu việt, cao đẳng hơn nền văn hóa Trung Hoa, một trong những nền văn hóa vĩ đại nhất của nhân loại? Kiến trúc, nghệ thuật Việt Nam sẽ còn lại những gì nếu không có mười ngàn ngôi chùa?

Và hơn nữa, hãy nhìn những tượng Phật, tượng Bồ Tát, ít có một pho tượng nào mang khuôn mặt Ấn Độ- tất cả hầu như đều mang khuôn mặt Việt Nam. Không những thế, cách đây gần đúng một ngàn năm, khi Tây Phương còn ở trong thời Trung Cổ hung tàn, đen tối, man dại, đã có những thiền sư Việt Nam tuyên bố, trong thời rất hưng thịnh của Phật giáo, "*Làm trai phải có chí xông trời thăm. Đừng theo vết chân của ông Thích Ca mà*

uống phí cả cuộc đời." Thật là khai phóng, phá chấp và tự do. Hãy thử nghĩ rằng có nho sĩ khoa bảng nào dám nói, "*Làm trai phải có chí xông trời thăm. Đừng theo vết chân của ông Không Tử mà uống phí cuộc đời?*" Hay tương tự, có một giám mục Thiên Chúa giáo nào, dám nói, "*Làm trai phải có chí xông trời thăm, đừng theo vết chân của ông Marx, ông Giê Su mà uống phí cả cuộc đời?*"

Nhân gian Việt Nam còn nói, "*Gần chùa gọi Bụt bằng anh.*" "*Ông Bụt*" đã hết sức thân tình, gần gũi. "*Anh*" Bụt thì quá thật giữa dân tộc và Phật giáo đã không còn sự xa cách, phân ly. Có ai gọi Không Tử, Lão Tử, Giê Su, các giáo hoàng là "*anh*" không?

Thấy được sự tai hại của tinh thần nô lệ tư tưởng và sự tôn thờ chủ nghĩa, giáo điều mù quáng từ 25 thế kỷ trước, Đức Phật đã phát huy tinh thần phá chấp, tinh thần khai phóng, tự do và tôn thờ lý trí, khi Ngài đã nói nhiều lần, ví dụ, trong Kinh Trung Bộ I, Đức Phật căn dặn, "*Này các tỳ kheo, ta thuyết pháp như chiếc bè để vượt qua, không phải để giữ lấy. Chư tỳ kheo, các người cần hiểu ví dụ các bè, chánh pháp còn phải bỏ, huống nữa là phi pháp.*"³ Kinh A Lê Tra số 200, thuộc Trung A Hàm viết, "*Ta thường nói cho các thầy về ví dụ chiếc bè là để cho các thầy xả bỏ, chứ không phải để nắm giữ. Nếu các thầy biết ta thường nói ví dụ chiếc bè, thì pháp còn phải xả bỏ, huống chi là phi pháp.*" Kinh Lăng Già nhắc lại tinh thần phá chấp này dưới một cách nói khác, "*Các pháp vốn không có thật tướng, do đó, chánh pháp còn phải bỏ đi, huống chi là phi pháp.*" Đức Phật còn đi xa hơn, vì sợ người sau nô lệ vào tư tưởng của Ngài, khi khẳng định, "*Bôn mươi chín năm qua ta chưa nói một lời nào cả và đừng tin những lời thuật lại, những lời đồn hay đừng để bị dẫn dắt bởi uy quyền của kinh điển... chỉ khi nào các người tự suy nghĩ, phán xét, biết rằng những gì đó là sai, xấu, ác, thì hãy dứt bỏ chúng và biết rằng những gì đó là đúng, là thiện, là tốt thì hãy chấp nhận và theo chúng*" và Đức Phật còn đi xa hơn nữa khi dạy các đệ tử cần phải dùng trí tuệ để xét đoán ngay cả chính Ngài nữa, để có thể hoàn toàn tin chắc giá trị của vị thầy mà mình đang theo.⁴

Trong khi đó thì Thiên Chúa Giáo chủ trương phải phục tùng, tôn thờ, cung phụng Thượng Đế và con một của Thượng Đế để được cứu rỗi và chỉ thờ một Thượng

2 Phan Công Chánh: bdd.

3 Thích Phước Sơn: Mục Đích Của Chiếc Bè, Tạp chí Hoa Sen số 26, Garden Grove, 1995, t 5.

4 Thích Trí Hải: Thái Độ Tinh Thần Trong Phật Học. Phật Học lý Trần Khóa Căn Bản, tập II, Danville, 1992, t 4.

Đế, chó không được thờ một thần linh nào khác vì Thượng Đế hay ghen. Còn Đạo Phật là một đạo không chủ trương tôn thờ một Thượng Đế nào hết và hơn thế nữa, không chấp nhận có một Đấng Tối Cao nào hết. Đạo Phật kêu gọi mọi người hãy trở thành Thượng Đế của mình, hãy trở thành Đấng Tối Cao của chính mình, hãy tự mình trở thành Phật, Bồ Tát. Bằng cách nào? Bằng trí tuệ, bằng sự độc lập tuyệt đối, tự do tuyệt đối trong suy nghĩ, trong tư tưởng, trong ngôn ngữ và trong hành động. Mọi Phật tử hiểu đạo Phật nếu ý thức sáng tỏ rằng sống theo thiện tâm và làm điều nhân đức một cách vô vị kỷ và vô vị lợi chính là cách hành đạo tốt nhất. Một đặc điểm nữa là trong khi các tôn giáo Tây Phương chỉ cho tín đồ một cứu cánh cao nhất là được trở thành một người dân ở thiên quốc thì đạo Phật mở rộng con đường cho mọi người trở thành Phật, Bồ Tát, bình đẳng, ngang hàng như chính chư Phật, Bồ Tát.

Cho nên khi hô hào xây dựng một nền triết học Việt Nam, một nền quốc Đạo bằng cách phê bình phiến diện các tôn giáo ngoại lai, coi các tôn giáo đều như nhau thì

quá nông nổi. Cũng như đồ ăn thức uống, không thể giống nhau giữa những thức ăn có được từ sự sát hại các sinh vật và những thức ăn tinh khiết không làm ra bằng máu, thịt của một sinh linh nào, cũng không thể giống nhau giữa một ly nước suối tươi mát và một ly rượu độc hại.

Ngoài ra, điểm thiếu sót lớn lao khác nữa là nhiều nhà trí thức hô hào sáng tạo một tôn giáo Việt Nam, nhưng họ lại không biết một sự kiện sơ đẳng rằng trong thế kỷ 20 này, quê hương Việt Nam đã xuất sinh hai tôn giáo Việt Nam, do người Việt Nam làm giáo chủ sáng lập với tất cả nét đặc thù, độc đáo, lạ lùng của văn hóa Việt Nam, của truyền thống Việt Nam, của tư tưởng, tâm linh, hành hoạt Việt Nam. Và không những thế, cả hai tôn giáo này đều có những đặc sắc, ưu việt, tiến bộ hơn cả bốn tôn giáo lớn đang ngự trị một phần lớn thế giới là Gia Tô giáo La Mã, Hồi giáo, Tin Lành và Chính Thống giáo. Hai tôn giáo Việt Nam đó là Phật Giáo Hòa Hảo và Cao Đài.

II. Tinh thần và phương pháp nghiên cứu phê bình không thích hợp đã làm đóng kín cánh cửa đi vào kho tàng châu báu của các thế hệ tiền nhân.

Trong bài viết này, tôi chỉ giới hạn trong sự phê bình một số nhận định liên quan đến các tôn giáo dân tộc là đạo Cao Đài, Phật giáo Hòa Hảo và Phật giáo Việt Nam. Đạo Cao Đài, như là một tôn giáo Việt Nam, thuần túy Việt Nam, chân chánh Việt Nam, và thể hiện trọn vẹn bản sắc, đặc tính Việt Nam, với tất cả tinh anh, đẹp đẽ, tràn đầy chân, thiện, mỹ, và những sáng tạo tích cực, phong phú, tiến bộ, hiện đại, cũng như với những nét thô sơ, và những khuyết điểm trong một giai đoạn suy tàn, lụn bại của tư tưởng, tâm thức và sinh mệnh Việt Nam.

Là một sản phẩm văn hóa thuần túy Việt Nam, nên đạo Cao Đài chính là một Việt Nam thu nhỏ, trong nửa đầu tiên của thế kỷ 20, cũng như mỗi người Việt Nam chúng ta, trí thức hay bình dân, cai ngục hay tù nhân, nhà tư sản hay người lao động, cụ già, trung niên, thanh niên, em bé... tất cả mỗi người chúng ta, ngoài phần độc đáo, hy hữu, đặc thù, không giống ai của mình, còn là, về mặt văn hóa, một sản phẩm tinh thần của Việt Nam - một dân tộc Việt Nam thu nhỏ, trong một giai đoạn lịch sử Việt Nam nhất định. Không ai thoát ra khỏi được môi

trường địa lý, xã hội, chủng tộc, văn hóa mà họ đang sống. Các tư tưởng, chủ thuyết, các ý thức hệ, các tôn giáo cũng là một sản phẩm của thời đại.

Như đạo Phật, đạo Thiên Chúa, chủ nghĩa Mác... đạo Cao Đài đã gắn liền với hoàn cảnh địa lý, chính trị, kinh tế, xã hội, văn hóa, lịch sử của Việt Nam trong thời Pháp Thuộc, và đặc biệt là tại Nam Bộ, vùng đất mới phì nhiêu, đôn hậu của Tổ Quốc, bị thống trị trực tiếp bởi thực dân Pháp và được Tây Phương hóa sớm nhất, nhưng cũng là nơi nuôi dưỡng, cuu mang và bùng nổ mãnh liệt của các truyền thống dân tộc.

Trí thức Việt Nam thường có quan niệm, đa phần xuất phát từ giới trí thức Tây học, tôn sùng, phục tùng nô lệ học thuyết, tôn giáo ngoại lai. Trong khi đó thì coi những gì của dân tộc là "Bụt nhà không thiêng," đồ "local," đồ nội hóa, là đồ... "dởm" chỉ có đồ ngoại quốc nhập cảng từ Tây, từ Tàu, từ Mỹ mới là đồ tốt. Từ đó, các tôn giáo Việt Nam (theo hiểu được người Việt Nam sáng lập tại Việt Nam) đã bị coi khinh và bị phê bình, phỉ báng, mặt sát tàn tệ, nếu không nói là tàn nhẫn.

Trong khi Phật giáo Hòa Hảo bị hiểu lầm và chê bai là "quê mùa," "thấp kém" vì đức thầy Huỳnh Phú Sổ

muốn đưa đạo Phật cao siêu đến hàng triệu người nông dân ít học tại miền Nam và muốn Việt Nam hóa nền Phật giáo đã bị Tàu hóa. Đàng kia thì đạo Cao Đài lại bị chỉ trích vì tính dung hóa, tổng hợp rất độc đáo của những người sáng lập.

Vì không hiểu biết sâu xa truyền thống văn hóa, tôn giáo, chính trị, lịch sử Việt Nam nên nhiều trí thức khoa bảng đã đánh giá tiêu cực các nỗ lực sáng tạo, dung hóa, tổng hợp của người Việt Nam và phê bình đập phá những công trình mới về tư tưởng, văn hóa, tôn giáo Việt Nam, mà đạo Cao Đài, cũng như Phật giáo Hòa Hảo, những sáng tạo đặc thù Việt Nam, là nạn nhân bị công kích nhiều nhất. Nguyễn An Ninh, cử nhân Luật tại Pháp, trong tác phẩm “Tôn Giáo,” viết cuối thập niên 30, đã phê bình, “Phải cực dốt mới dám đem đạo Gia Tô, đạo Phật, đạo Khổng, đạo thờ thần tiên, cầu cốt, cầu đồng mà nhập làm một. Tổng hiệp các tôn giáo, theo ý đạo Cao Đài, chắc là tượng cốt các người lập ra các tôn giáo xưa nay, thờ chung một chỗ, rồi mượn trong các lễ nhạc, mượn về hình thức bề ngoài, đây một chút, đó một chút, nhồi lại làm cái đạo xà bần, chó đực Chúa Trời đâu có mượn hồn nào nhập cơ dạy người. Đạo Phật nghịch hẳn với dị đoan. Đạo Khổng hết sức tin ở nhân lực. Đạo Cao Đài không thể gồm các điều hay của các tôn giáo (nếu ngày nay còn có thể nói tôn giáo có chỗ hay) mà đạo Cao Đài giỏi gồm các sự dở của các tôn giáo.”⁵

Đào Trinh Nhất thì viết hẳn một cuốn sách tên là “Cái Án Cao Đài,” xuất bản năm 1929, để buộc tội và xử án công trình sáng tạo thuần túy Việt Nam này. Ông lên án, mạt sát không tiếc lời: “Cao Đài là một thứ tà đạo...yêu ngôn tà thuyết...dại khờ giả dối...trở về thời đại bốn ngàn năm về trước hay là đem để nó vào những biên cát rừng xanh bên Phi Châu bây giờ (thì được), chú không nên để vào trời đất nước Việt Nam này, đương cần tiến hóa.”⁶

Hay như trường hợp Giáo sư Nguyễn Văn Trung (Xem bài Đạo Cao Đài, Triết, số Một, 1995) đã sử dụng tài liệu sớ Mật Thám Pháp để nghiên cứu đạo Cao Đài mà quên những ý nghĩa chân thật Việt Nam của ngôn ngữ mật thám Tây. Thực dân Pháp luôn luôn gọi những nhà cách mạng Việt Nam, những nhà ái quân chống

Pháp là “phiến loạn,” “phá rối trị an” như giặc Pháp đã gọi cuộc nổi dậy của các tăng sĩ yêu nước tại Bình Định Phú Yên vào cuối thế kỷ 19 là “giặc thầy chùa,” nên Giáo sư Trung đã miệt thị gọi một nhân vật lãnh đạo Cao Đài là “bồ già” (trùm băng đảng tội ác), nhân vật đen, vì người này, theo hồ sơ công an Pháp đã tham gia Hội Kín, có những hành động “phá rối trị an.”⁷ Khi một người vì yêu nước mà dám đấu tranh võ trang chống Thực Dân là đã chấp nhận sẵn sàng lên máy chém, với tâm đại hùng trong sáng này thì dù họ có bị kết án những tội như giết người, cướp của, tống tiền, chứa cờ bạc v.v. thì ta không thể coi họ là những tội phạm hình sự thường, vì họ rất có thể là người thi hành mệnh lệnh của tổ chức họ hay lãnh nhiệm vụ kinh tài cho các hoạt động cứu quốc.

Còn Giáo sư Trần Văn Giàu thì ngược lại, nặng tay chụp mũ, coi Cao Đài như là công cụ thực dân- cho dù giáo chủ Phạm Công Tắc là nhà đại ái quốc đã bị thực dân lưu đày năm năm trời. Giáo sư Giàu viết, “*Khởi thủy đạo Cao Đài là một công cụ chính trị, tuyên truyền cho Pháp... Trong lúc nổi lên những cao trào cách mạng 1930-1931, cao trào dân chủ 1936-1938, lúc khởi nghĩa 1940, thì tuy lúc đó Cao Đài có ít nhiều tham gia, song nói chung nơi nào Cao Đài mạnh thì nơi đó phong trào kém.*”⁸ Phong trào đây là các phong trào đấu tranh quần chúng do đảng Cộng Sản Đông Dương chỉ đạo. Đa số giới lãnh đạo và rất nhiều tín đồ Cao Đài là những người ăn chay trường, vì có lòng từ bi lân mẫn không muốn sát hại một sinh linh nhỏ bé nào thì đương nhiên là khó dung hóa, hỗ trợ cho một phong trào lấy hận thù, sát máu làm động lực. Sự thật thì Cao Đài đã bị thực dân kềm kẹp, bám sát khắt khe, chặt chẽ như thế nào và những người lãnh đạo đã khôn khéo qua mặt chính quyền thuộc địa trong giai đoạn phôi thai và sau đó đấu tranh chống bọn giặc Pháp như là một lực lượng yêu nước chân chính trong phong trào giải phóng dân tộc.

Giáo sư Trần Văn Giàu còn mỉa mai, “*Lạ gì, làm công chức cho Tây, theo phong tục Tây, bắt chước Tây, buổi chiều uống rượu vang thì buổi tối chơi cầu hôn kiểu Tây cũng đều là một thứ tiêu khiển. Ông phủ Ngô Văn Chiêu (người sáng lập đạo Cao Đài) là một trong những người quen chơi cầu hôn kiểu Tây.*”⁹ Theo lập luận này thì những người sáng

5 Trần Văn Giàu: Sự Phát Triển Của Tư Tưởng Ở Việt Nam Từ Thế Kỷ XIX Đến Cách Mạng Tháng Tám, Tập II, Nhà Xuất Bản Khoa Học Xã hội, Hà Nội, 1975, t 213.

6 Nguyễn Văn Trung: Cao Đài: Đạo Của Vùng Đất Mới, Triết, t 173.

7 sđđ, t 185.

8 Trần Văn Giàu, sđđ, t 224.

9 sđđ, t 228.

lập đạo Cao Đài đang làm việc cho chế độ thuộc địa đáng lý ra làm cho Tây, bắt chước Tây thì họ theo đạo của các quan Tây mới phải, không cần thật lòng tin theo, chỉ mỗi sáng Chủ nhật lại nhà thờ cho quan Tây thấy mặt là cũng rất có lợi cho việc thăng quan tiến chức (điều này cũng rất đúng trong hai chế độ Đệ Nhất và Đệ Nhị Cộng Hòa). Thế mà sao họ lại không theo cái đạo Gia Tô của các quan Tây mà lại dám lập ra một đạo mới và trong đạo mới này họ lại không nể nang các ông quan Tây và quá coi thường tôn giáo của các ông quan Tây? Mà họ tôn ông Phật lên ngôi vị cao nhất ở ngay chính giữa, bên phải có Khổng Tử, bên trái có Lão Tử (Tam giáo tổ sư), tầng tiếp theo có Tam trấn oai nghiêm gồm Phật Bà Quan Thế Âm, đại diện cho Phật đạo (Phật giáo), Lý Thái Bạch đại diện cho Tiên đạo (Lão giáo) và Quan Thánh (Quan Vân Trường) đại diện cho Nhân Đạo (Nho giáo), hàng thấp dưới nữa, tức hàng thứ ba, gần như hàng chót hay thấp nhất, mới thờ chúa Giê Su đại diện cho Thánh đạo (Gia Tô giáo) và Khương Tử Nha đại diện cho Thần đạo?¹⁰

Rồi khi ra mắt đạo Cao Đài vào ngày 18 tháng 11 năm 1926, những người tổ chức đã không đi mượn một nhà thờ cho khỏi bị mật thám Tây dòm ngó, lại có đủ tiện nghi mà họ lại đi mượn một ngôi chùa, chùa Từ Lâm ở Gò Kén, Tây Ninh để làm nơi khai đạo. Các ngôi chùa thời Pháp thuộc, dù ở Bắc, Trung hay Nam đều là những trung tâm chống Pháp hay đồng tình, ủng hộ những người chống Pháp nên rất bị thực dân nghi ngờ. Tại sao họ dám làm cái chuyện công khai, minh bạch đứng hẳn về phía nhà Phật, chỗ không lập lờ, lừng khừng, dấu diếm, là điều chỉ có hại vì bị thực dân nghi ngờ, chỗ không có lợi gì trước mắt? Tôn xưng Đức Phật ở ngôi vị trung tâm, tối thượng là một thái độ trí tuệ, chứng tỏ sự độc lập văn hóa, tôn giáo cao độ. Việc tổ chức đại hội khai sáng đạo Cao Đài ở một ngôi chùa là thái độ vô cùng can đảm, trong bối cảnh Việt Nam bị thực dân Tây Phương thống trị toàn diện.

Nguyễn Tử Thức, trong tác phẩm *Nói Chuyện Đạo Nước Minh* thì phê bình đạo Cao Đài là "mê tín": "*Tin những việc gì không bằng cứ chỉ ra được, đều là mê tín tất thảy.... Xưa nay hễ thần quyền được tôn lên chừng nào thời nhân quyền phải liệt bại chừng nấy. Nhân quyền và thần*

quyền bao giờ cũng lưỡng lập. Đến ngày nay mà người mình hãy còn mê tín như thế mãi, thời tránh sao khỏi dân không vì đó mà hao mòn, trí dân không vì đó mà mờ tối."¹¹ Nếu như mà phê bình như thế đối với các tôn giáo thần quyền của Tây Phương thì là rất đúng, vì đó là những tôn giáo đại mê tín. Song phê bình đạo Cao Đài như thế không hẳn đúng vì đạo Cao Đài thờ thần mà không phải là tôn giáo thuần túy tuân phục thần quyền để tiêu diệt, đàn áp nhân quyền, tra tấn, tàn sát các nhà khoa học, triết gia và người khác tôn giáo như Gia Tô giáo La Mã trong thời Trung Cổ.

Còn báo Đông Pháp Thời Báo, thì gọi đạo Cao Đài, năm 1927 rằng "*...Nghe đâu như Đạo này kể về phân tính thần thì giáo nghĩa đã tuyệt nhiên không có chút gì chính đáng, mà về phần hình thức lại bày ra lắm trò quái gở, bài tục thương phong, báo Công Luận và báo Nhật Tân đã có bài kích bác.*"¹² Phê bình một tôn giáo dân tộc, Việt Nam thuần túy, có cả triệu tín đồ (chỉ trong một vài năm sau khi khai đạo, Cao Đài đã có trên 500 ngàn tín đồ, và vào năm 1937 đã có trên một triệu tín đồ, bao gồm đủ mọi thành phần dân chúng), vậy mà không đến tận nơi nghiên cứu cho tường tận, chỉ nghe đâu băng quơ những lời chỉ trích trong lúc trà dư tửu hậu hay nghe các báo khác công kích là mình cũng không biết thật hư thật ra sao, cũng a dua chạy theo "đánh hôi."

Đúng là báo chí Việt Nam và tâm thức Việt Nam trong thời buổi nô lệ, mất nước! Cái gì của người thì dù chưa biết, chưa dùng cũng khen ngợi, tâng bốc lên trời xanh, còn những gì của đồng bào, anh em trong nước làm ra, nghĩ ra là cứ nhấm mắt chê bai, miệt thị, tự khinh khi mình, tự trát bùn vào mặt nhau, từ loại bỏ lẫn nhau, tự hủy diệt lẫn nhau.

Sự bành trướng đạo Cao Đài làm nền Phật Giáo suy thoái tại Nam Bộ trong thời Pháp thuộc càng thêm bị mất ảnh hưởng, không ít tăng sĩ lại bất bình vì Cao Đài đã mượn của đạo Phật rất nhiều thứ. Hòa thượng Thái Điền bảo rằng Cao Đài không biết gì về giáo lý đạo Phật, chỉ xuyên tạc mà thôi. Ông viết nguyên cả một cuốn sách để phê bình việc, theo ông, "*Khua môi tả đạo, cả gan vẽ rắn lại hô rồng. Che mắt đồng bào, sao lớn mặt trông lau nói mía.*"¹³ Do chưa hiểu sâu truyền thống dung hợp của Việt Nam và đạo Phật nên hòa thượng Thái Điền đã nổi

10 Trần Ngọc Thêm: Cơ Sở Văn Hóa Việt Nam. Trường Đại Học Tổng Hợp TP Hồ Chí Minh, Sài Gòn, 1995, t 409.

11 Trần Văn Giàu, sđd, t 218.

12 sđd, t 227.

13 sđd, t 212.

Phê Bình Những Phê Bình..

giận vì sự vay mượn Phật giáo quá nhiều và quá rõ rệt của đạo Cao Đài. Đáng lý ra, nếu là người quan tâm đến sự hưng thịnh của Phật giáo thì ông nên tìm hiểu tại sao cả triệu người Việt Nam, mà đa phần cũng là các Phật tử hay những người có tín ngưỡng thờ cúng Ông Bà rất gần gũi với Phật giáo, lại không theo Phật giáo mà theo đạo Cao Đài? Hiển nhiên là đạo Cao Đài đã có cái gì hơn hẳn các tôn giáo khác và hơn hẳn Phật giáo tại Nam Bộ lúc bấy giờ.

Nguyễn An Ninh, dù không có thiện cảm và đã nặng nề công kích đạo Cao Đài, đã hé mở chút ít về nguyên nhân thành công của đạo Cao Đài khi viết, "*Dân đã mê muội trong tôn giáo, mà các tôn giáo, các đạo lý của nước nhà đều suy sụp, làm sao mà không theo đạo Cao Đài được. Không từng thấy, không suy xa, gặp đạo Cao Đài có màu mới mẻ, mà lại dễ dàng cho tâm trí như ngựa quen đường cũ. Đạo Cao Đài là cái nhà cũ của dân mê tín mà sơn lại mới: mọi vật cũ ngày xưa nay đều mang một cái tên mới, coi nó mới mà lại có quen.*"¹⁴

Sự chê bai này giúp ta thấy được một số ưu điểm của đạo Cao Đài- là đạo này hấp dẫn hơn các tôn giáo khác đang thịnh hành lúc ấy, đạo này dung chứa, tổng hợp nhiều đạo đã có từ xưa đến nay, đạo này đã biết đổi mới những cái gì quá xưa cũ, lỗi thời, đã biết hiện đại hóa những truyền thống thân yêu, quen thuộc của dân tộc. Quả là những đóng góp đáng kể so với các nỗ lực truyền đạo và truyền ý thức hệ của rất nhiều kẻ đương thời là đã bê nguyên cả tôn giáo ngoại lai, cả chủ nghĩa ngoại lai lên rồi đập đổ bàn thờ gia tiên, ông bà xuống, để hi hục tôn thờ, vái lạy, phục tùng hết sức mù quáng, mê tín và cuồng tín.

Giữa hai thái độ: bao dung, dung hóa và tổng hợp một cách sáng tạo với thái độ nô lệ tinh thần, tu tưởng, tôn giáo thì đâu là thái độ đáng ca ngợi, có lợi cho quốc gia, dân tộc? Và đâu là thái độ đáng lên án, vì rất có hại cho tổ quốc, nòi giống?

Mặt khác, sự nghiên cứu có tính cách nhà trường, từ chương của một số trí thức khoa bảng, vì không thông hiểu sâu sắc, trọn vẹn truyền thống Việt Nam, bị đầu độc bởi cái học phiến diện, cùng với căn tính nô lệ tôn thờ Tây Phương, coi thường chính mình, đồng bào mình của mọi người Việt Nam, không phân biệt trình độ học vấn, đã đưa đến những tác phẩm, nhận định sai lạc một

cách nguy hiểm. Và nạn nhân của những sản phẩm Tây Phương thuần lý, nông cạn, hạn hẹp này thường là các tôn giáo dân tộc, mang nhiều bản sắc Việt Nam. Ngoài Cao Đài, Phật giáo Hòa Hảo và Phật giáo Việt Nam cũng bị những xuyên tạc, ngộ nhận và đả kích tương tự, thường xuất phát từ sự hiểu biết nhà trường nông cạn, cục bộ, xa rời thực tế hoặc vì theo phương pháp nghiên cứu trích dẫn phiến diện, thiên lệch dẫn đến những kết luận hết sức sai lầm và rất tai hại. Chính họ bị đầu độc và họ viết sách để tiếp tục truyền độc lan rộng hơn và đầu độc những người khác, thường là kẻ bàng quan không ở trong cuộc và không nắm vững sự thật. Nghiên cứu các tôn giáo có gốc rễ lịch sử và truyền thống hành hoạt cả hai ngàn năm mà đóng khung trong một vài tài liệu sai lạc, phiến diện là một thái độ nông nổi và nguy hiểm.

Ví dụ trường hợp của Giáo sư Huệ Tâm Hồ Tài, với tác phẩm "*Millenarianism and Peasant Politics in Vietnam*," nguyên là luận án tiến sĩ khoa học chính trị tại đại học Harvard. Giáo sư Hồ Tài đã sử dụng nguyên văn các tài liệu tuyên truyền của Việt Minh, viết ra khi đang có sự đối đầu gay gắt với Phật giáo Hòa Hảo, mà không phê phán, để rồi Bà tổ cáo Phật giáo Hòa Hảo là một tôn giáo "chủ trương hư vô," "phá hoại sản xuất," "tay sai Nhật Bản" v.v... Hồ Tài viết, "*Người Nhật đưa Huỳnh Phú Sổ đi Vĩnh Long để reo rắc sự tuyên truyền bi quan yếm thế chủ nghĩa và hư vô chủ nghĩa để ngăn chặn nhân dân tham gia vào phong trào cứu quốc. Ông ta khuyến khích mọi người đừng làm việc ngoài đồng ruộng, đừng có tranh đua vật chất vì thế giới đã đến hồi tận diệt.*" Và Hồ Tài, ái nữ của nhà văn Hồ Hữu Tường, một nhà văn hóa Phật giáo lỗi lạc, đã ca ngợi Việt Minh "*đã bỏ ra nhiều công sức, tiền của để khuyến khích dân chúng sản xuất nhờ vậy một nửa đất đai Nam Bộ vốn bị bỏ hoang vì nông dân đã nghe lời Huỳnh Phú Sổ không canh tác, được đưa vào sản xuất trở lại.*"¹⁵

Thật là đổi trắng thay đen, đổi đen thay trắng, lật lọng, tráo trở, vượt qua sự tưởng tượng của con người. Bởi vì sự thật, sự thật còn nóng hổi, còn được thấy bởi nhiều nhân chứng đương thời, còn y nguyên trong các hình ảnh, thơ văn, sách báo, tài liệu trung thực, khách quan. Rằng Đức Huỳnh Phú Sổ, giáo chủ Phật giáo Hòa Hảo, lập đạo khi chỉ mới 19 tuổi và là vị giáo chủ trẻ tuổi nhất trong lịch sử tôn giáo thế giới, vốn là một lãnh tụ

14 sdd, t 204.

15 Huệ Tâm Hồ Tài: *Millenarianism and Peasant politics in Vietnam*. Harvard, t 136.

tôn giáo nhập thế tích cực nhất, nhiệt tình nhất, hăng say nhất, chưa từng có tại Việt Nam. Ông là người duy nhất đã đi diễn thuyết khuyến nông tại 107 địa điểm khác nhau ở khắp đồng bằng sông Cửu Long từ ngày 10.5.1945 đến cuối tháng Bảy cùng năm, có khi trước cả trên 10 ngàn người như buổi diễn thuyết tại sân vận động Cần Thơ ngày 10.5.1945, để kêu gọi nông dân Nam Bộ tăng gia sản xuất cứu giúp miền Bắc và Bắc Trung Bộ, nơi có hai triệu người dân bị chết đói. Tác giả Huệ Tâm Hồ Tài có nói rõ là Tại Vĩnh Long.... để người đọc có cảm tưởng đây là sự thật, có chi tiết đầy đủ rõ ràng, nhưng thật ra thì chính tại Vĩnh Long những buổi thuyết pháp khuyến nông của Đức Thầy Huỳnh Phú Sổ đã thành công một cách tuyệt vời và thật là cảm động, được viết một cách chính xác trong cuốn Thất Sơn Mậu Nhiệm của các ông Dật Sĩ và Nguyễn Văn Hầu, ví dụ ở trang 257: “Ngày 28.7.1945 Đức Thầy đến Vĩnh Long. Sáng bữa sau, Đức Thầy thuyết khuyến (tức là vừa thuyết giảng về Phật pháp, vừa thuyết giảng khuyến khích tăng gia sản xuất nông nghiệp) tại sân vận động tỉnh thành. Trưa lại, anh em Thanh Niên Tiền Phong và anh em tín đồ các thôn tụ họp lại để mong Đức Thầy thuyết nữa. Lúc đó, gương mặt Đức Thầy thật là khả ái. Toàn thể thính giả đều quỳ để nghe, trong lúc trời lâm râm rớt hạt...”¹⁶

Đức Thầy Huỳnh Phú Sổ, khi chỉ mới 25, 26 tuổi, cũng là vị giáo chủ duy nhất đã thành lập và làm chủ tịch các mặt trận đoàn kết các lực lượng kháng chiến chống Pháp tại Nam Bộ và hơn thế nữa, còn thành lập một chính đảng là Đảng Dân Chủ Xã Hội để dung hòa các nguồn ý hệ đang tàn phá quê hương. Là một nhà đại ái quốc, một chiến sĩ kiên trì của phong trào giải phóng dân tộc ông đã đi vào chiến tranh, cách mạng, đi trong khói lửa, súng đạn, hy sinh cả máu xương thân mạng cho dân tộc, thế nhưng, qua sự tuyên truyền lệch lạc của Việt Minh và chế độ Ngô Đình Diệm, các thế lực tôn thờ những ý hệ ngoại lai, vong bản, được sử dụng một cách nô lệ bởi các nhà nghiên cứu Tây học, thì Ông bị vu cáo là tay sai Nhật Bản, là phá hoại sản xuất. Và việc vận động khuyến nông suốt hai tháng trời của ông tại miền Tây để tăng gia sản xuất nông nghiệp, cứu giúp đồng bào thân yêu đang bị đói kém bị xuyên tạc, thì cũng bị bôi nhọ và vu cáo ngược lại. Bài thơ Khuyến Nông (dưới đây) bóc lùa, nóng hổi ý thức cứu người, cứu nước còn nguyên vẹn ở đây, thế mà có những kẻ chuyên nghề tuyên truyền xảo trá, được tiếp tay bởi những nhà nghiên cứu nông

cạn và nông nổi, lại dám nói ngược và dựng đứng những điều tưởng tượng để hại người, để phân hóa nhân tâm, và vô tình chà đạp phủ phàng sự thật và công lý: “*Kẻ phu tá cũng là trọng trách. Cúu giống nòi, quét sạch non sông. Một phen vác cuốc ra đồng. Thế rằng ruộng phải được trồng lúa khoai. Mua nắng ấy đầu nài thân xác. Chí hy sinh dầu thác cũng cam.*”¹⁶ Bài thơ khuyến nông này của Huỳnh Giáo Chủ là cả một lời hịch khuyến nông, hịch tăng gia sản xuất, hịch cứu nước, cứu người, hùng tráng không khác gì bài Nam Quốc Sơn Hà Nam Đế Cư của Lý Thường Kiệt hay Bài Bình Ngô Đại Cáo của Nguyễn Trãi. Dầu có những bằng chứng hùng hồn như thế nhưng những nhà tuyên truyền xảo trá bất cần vì họ biết cứ nhồi sọ liên tục thì vẫn có người tin và các nhà nghiên cứu trường ốc, ngồi trong tháp ngà tiếp tục viết sai lạc về lịch sử dân tộc.

Nhiều sự tuyên truyền bịp bợm như thế, xuất phát từ các thế lực phi dân tộc được loan truyền sâu rộng trong dân chúng và tạo biết bao hiểu lầm, ngộ nhận trong nhiều năm, có khi từ thế hệ này sang thế hệ khác cho các tôn giáo dân tộc. Đức Phật dạy không nên nói những gì mình không thấy hay không biết chắc thật là chí lý.

Việc nghiên cứu không tới nơi, cái hiểu biết nửa chừng, cái nhìn rời rạc, cục bộ trong các tài liệu có sẵn, thường là do giới cầm quyền, giới có bạo lực để giết hại, giam cầm người khác và có phương tiện để tuyên truyền quy mô, liên tục và rộng lớn, thật là cực kỳ nguy hiểm. Và cái nhìn, cái nghiên cứu kiểu Tây học như thế thường đưa đến kết quả chối bỏ, coi khinh, miệt thị các di sản quý giá của dân tộc, các gia tài châu báu của tiền nhân và đương nhiên phá hủy tận gốc mọi nỗ lực xây dựng một nền triết lý Việt Nam, một chủ đạo tư tưởng Việt Nam, một quốc đạo Việt Nam và một sự độc lập về văn hóa, về tôn giáo, về tư tưởng, trí tuệ của dân tộc.

Một ví dụ khác của lối nghiên cứu nhà trường này là bài “*Tỳ Sa Môn Thiên Vương...*”, TRIẾT, số 1, của Giáo sư Như Hạnh, tiến sĩ tôn giáo đối chiếu tại đại học Harvard, một trí thức có trình độ, nghiên cứu rất nghiêm túc, nhưng lại thiếu một kiến thức sâu xa, toàn diện về lịch sử, chính trị, văn hóa và tôn giáo tại Việt Nam. Giáo sư Như Hạnh viết, “*Thành tổ tôn giáo trong việc kiến lập tinh thần quốc gia ở Việt Nam cũng rất mờ nhạt. Nói cách khác, không một tôn giáo nào từng được đồng hóa mật thiết với bản sắc Việt Nam như trường hợp Phật giáo đối với Tây*

16 Lê Hiếu Liêm: Bồ Tát Huỳnh Phú Sổ Và Phật Giáo Thời Đại, Viện Tư Tưởng Việt Phật, Danville, 1995, t 65, 70 và 71.

Phê Bình Những Phê Bình..

Tạng, Tích Lan, Miến Điện, hoặc như Islam đối với Pakistan.¹⁷ Rồi trong phần phụ chú, Như Hạnh phê phán “Khẩu hiệu” Đạo Pháp và Dân Tộc “thường được dùng đến trong những cuộc tranh đấu Phật giáo bắt đầu từ mấy thập niên trước đây chỉ thuần túy có tính cách tuyên truyền hoặc cùng lắm chỉ là mộng huyễn (pipe dream) trong đầu óc một số người không chịu nhìn sâu vào lịch sử đôi chút.”¹⁸ Rồi tác giả lại chê trách các vị minh quân-Phật tử đời Trần, “Điều mỉa mai là các vua nhà Trần tuy là ưa chuộng đạo Phật, song chính họ lại gạt bỏ đạo Phật ra khỏi khuôn khổ chính trị. Đa số những thiền sư đời Trần, ngoại trừ Trần Thái Tông, cũng chỉ để lại một số thơ văn ít ỏi và một vài trước tác phỏng theo lối ngữ lục của Thiền Trung Hoa, song nội dung rất là luộm thuộm.”¹⁹ Nhận định về những sự nghiệp tư tưởng, học thuật, văn minh, sáng tác của tiền nhân, tổ tiên như thế, trong một thời đại hưng thịnh nhất của dân tộc, cách đây cả 700 năm, thì đó là hời hợt. Đem cái tinh thần nhà trường, sách vở của Tây Phương để phê bình một dân tộc bị tàn phá, hủy diệt quy mô, trong rất nhiều lần, bởi chiến tranh, ngoại xâm và nô lệ nước ngoài cả hơn ngàn năm như dân tộc Việt Nam thì không khỏi phạm những sai lầm, phiến diện.

Chỉ riêng sự tàn phá học thuật, văn hóa Việt Nam của nhà Minh trong giai đoạn thống trị ngắn ngủi 20 năm vào đầu thế kỷ 15 (1407-1427) cũng đã là rất khủng khiếp, tàn khốc, như một sự diệt chủng văn hóa. Chúng không những đốt hết các sách vở, phá hủy các kiến trúc, nghệ thuật mà ngay cả các bia đá cũng bị chúng đập nát hay đục cho mờ hết chữ. Và mệnh lệnh này phát xuất từ quyền lực chính trị cao nhất của đế quốc phương Bắc. Hoàng đế Trung Hoa Minh Thành Tổ trong sắc chỉ mười điều gọi cho tướng sĩ viễn chinh tại Việt Nam, đề ngày 21 tháng 8 năm 1406 đã căn dặn tỉ mỉ mệnh lệnh diệt chủng văn hóa Việt Nam, điều 3 nói rõ: “Một khi binh lính vào nước Nam...hết thấy mọi sách vở văn tự cho đến cả những loại sách ghi chép ca lý dân gian, hay sách dạy trẻ...một mảnh một chữ đều phải đốt hết. Khắp trong nước phạm những bia đá do Trung Quốc dựng từ xưa đến nay thì đều giữ gìn cẩn thận, còn các bia do An Nam dựng thì phá hủy tất cả, một chữ chớ để còn.”²⁰

Thật là tàn độc, thâm hiểm. Nếu nước ta trong thời đó, thế kỷ 15 trở về trước, hay chính xác hơn là trong thời đại Lý Trần (trong gần suốt 400 năm, từ đầu thế kỷ 11 đến cuối thế kỷ 14) là một nước man di, mọi rợ, học thuật, trước tác luộm thuộm, ăn cắp, lai căng Trung Hoa, như chúng thường gọi là Nam Man trong thời Bắc Thuộc, chưa có văn minh, văn học phong phú, cao siêu thì vua Trung Hoa đâu có mất công ra lệnh đốt phá những thứ không có giá trị gì hay chỉ là những thứ cặn bã mô phỏng theo Trung Hoa? Vì không yên tâm trước nền văn hóa rực rỡ, huy hoàng của Đại Việt trong thời đại Lý Trần, mà hào quang của nó đã làm mờ mắt, làm choáng váng cả đế quốc Trung Hoa, nên tên vua Minh Thành Tổ, ở tuốt Yên Kinh, xa Đại Việt hàng ngàn dặm, bần rợn biết bao công chuyện của một đế quốc rộng lớn, thế mà vẫn đích thân theo dõi, đôn đốc chính sách diệt chủng của chúng tại quê hương ta. Chưa yên tâm vì tiềm lực văn hóa, tư tưởng, học thuật, tôn giáo sâu thẳm, hùng hậu của Đại Việt, mà nền tảng và cốt tủy vô hình là đạo Phật Việt, nên ngày 16 tháng 6 năm 1407, Y gởi tiếp một sắc chỉ thứ hai hung tàn, độc địa hơn cả sắc chỉ trước: “Nhiều lần đã dạy bảo các người phạm An Nam có tất thấy những sách vở, văn tự gì, kể cả câu ca lý dân gian, các sách dạy trẻ em...và tất cả các bia mà xú ấy dựng lên thì một mảnh, một chữ hễ trông thấy là phá hủy lập tức, chớ để sót lại. Nay nghe nói những sách vở do quân lính bắt được, không đốt ngay, lại để xem xét rồi mới đốt. Quân lính phần đông không biết chữ, nếu đâu đâu cũng đều làm vậy thì khi dài tải sẽ bị mất mát nhiều. Từ nay các người phải làm đúng như lời sắc trước, truyền cho quân lính hễ thấy sách vở văn tự ở bất cứ nơi nào là phải đốt ngay, không được lưu lại.”²¹

Thật là một chính sách diệt chủng văn hóa dã man. Cho nên di sản văn hóa rất cao và đặc sắc của thời Lý Trần và trước đó đã không còn lại được một phần ngàn. Phan Huy Chú, tuy là nhà Nho, cũng không thể không ca ngợi thời đại Lý Trần một cách hào hứng: “Nước Việt ta được gọi là nước giữ lễ đã hơn nghìn năm. Sách vở, thu tịch vốn ra đời từ lâu lắm. Kể từ Đinh, Lê dựng nước, đã đứng ngang hàng với Trung Hoa, mệnh lệnh, từ chương dần dần rõ rệt. Đến Lý, Trần nội trị, văn vật mở mang. Về

17 Như Hạnh: Tỳ Sa Môn Thiên Vương (Vaisravana) Sóc Thiên Vương Và Phù Đổng Thiên Vương Trong Tôn Giáo Việt Nam Thời Trung Cổ, Triết, t 157.

18 sđđ, t 160.

19 sđđ, t 162.

20 Nhiều Tác giả, Viện Văn Học: Thơ Văn Lý Trần, tập I, Nhà Xuất Bản Khoa Học Xã Hội, Hà Nội, 1977, t 57.

21 sđđ, t 58.

*thăm định thì có những sách điển chương, điều luật, về ngũ chế thì có các thể chiếu, sắc, thi ca. Tri, bình tiếp nối, văn nhã rõ ràng. Huống chi nho sĩ đời nào cũng nhiều, văn chương nảy nở như rừng. Trước tác mỗi ngày một nhiều. Nếu chẳng phải trải qua cướp bóc, đốt phá (của quân giặc) mà hóa tro tàn, thì hẳn là trâu kéo đến toát mồ hôi, chừa đầy đến tận xà nhà.*²²

Phan Phu Tiên, người biên soạn Việt Âm Thi Tập, cuốn hợp tuyển văn học Việt Nam sớm nhất, đã công nhận văn học Lý Trần rất phong phú, rục rờ, nhưng cũng đã phải than, “Tiếc thay binh lửa đã khiến cho hầu hết không còn.”²³ Nhà thơ Lý Tử Tấn, sống vào khoảng giữa thế kỷ 15 nhận định, “Phần còn lại chỉ là một, hai trong trăm ngàn phần.”²⁴

Tuy nhiên chỉ nhìn vào sự kiện nước ta trong thời nhà Lý đã đánh tan quân nhà Tống, đời Trần đã đánh tan ba lần xâm lăng của đế quốc Mông Cổ, đế quốc đã đánh thắng và chinh phục hơn 40 nước từ Á sang Âu, kể cả Trung Hoa, và nhà Lý đã dựng nước huy hoàng, sánh vai với những triều đại rục rờ nhất của Trung Hoa, thì sự vĩ đại của thời Lý Trần, và gốc rễ của nó, là sự vĩ đại của văn hóa thời Lý Trần với cốt lõi văn hóa Việt Phật, đương nhiên là vượt rất xa tất cả những gì còn lại trong đồng tro tàn của thời Minh Thuộc.

Chỉ riêng về các công trình kiến trúc Phật giáo cũng đã rất huy hoàng, vĩ đại. Ví dụ như chùa Đại Lâm, nhân gian gọi là chùa Dạm, do cô gái quê làm nghề hái dâu, sau trở thành nguyên phi ỷ Lan của vị vua nhân từ Lý Tánh Tông, tức là Hoàng Thái Hậu Phù Cầm Linh Nhân, mẹ của vua Lý Nhân Tông, chủ trì xây dựng vào năm 1086. Chùa rộng lớn đến mức riêng việc đóng, mở các cửa trong chùa phải dùng đến 72 người. Nay đã bị phá hủy hết, chỉ còn dấu tích là khu nền chùa rộng 8 ngàn mét vuông (tức gần 100 ngàn square feet).²⁵

Ngay cả Trung Hoa cũng truyền tụng về An Nam Tứ đại khí gồm: (1) Tượng Phật Di Lạc bằng đồng tại chùa Quỳnh Lâm cao 24 mét, đặt trong điện Phật cao 32 mét; (2) Tháp Báo Thiên 12 tầng, cao 80 mét do vua Lý Thánh Tông dựng năm 1057 trên khuôn viên chùa Sùng Khánh ở phía Tây hồ Lục Thủy, tức Hồ Gươm, Hà Nội ngày nay, tháp này bị giặc Tàu phá hủy năm 1414, nền

tháp còn lại to như một quả đồi, đến thời Thực Dân bị bọn giặc Pháp cùng các cố đạo Gia Tô phá hủy hoàn toàn để xây thành nhà thờ lớn Hà Nội ngày nay; (3) Chuông Quy Điền nặng đến mấy chục ngàn cân để treo trong tòa tháp chuông bằng đá xanh cao 32 mét tại chùa Diên Hựu, tức chùa Một Cột ngày nay, chỉ tháp chuông vĩ đại như thế thì chùa còn vĩ đại đến mức nào, thế nhưng nay đã bị phá hủy hết và chỉ được xây lại nhỏ bé như một cái chuông cu; và (4) Vạc Phổ Minh ở làng Túc Mạc, Nam Hà, nặng 7 tấn, trẻ em có thể chạy chơi trên thành miệng vạc, nay cũng bị tàn phá chỉ còn ba trụ đá kê chân vạc.²⁶ Thật đáng thương cho đất nước, di sản kỳ vĩ ngày xưa, nay chẳng còn được một phần ngàn.

Ngoài các công trình kiến trúc chùa tháp, những tác phẩm nghệ thuật Việt Nam như các loại đồ sứ thời Lý Trần, và được kể thừa trong đời hậu Lê, cũng là những tuyệt tác, ngay ở trong nước bị tàn phá không còn bao nhiêu, và cũng bị coi khinh. Thế nhưng lại được coi là báu vật trên thị trường đồ cổ thế giới, như chiếc be sứ trắng trang trí hoa mẫu đơn màu lam xanh với 13 chữ Hán: “Năm Đại Hòa (thật ra là năm Thái Hòa, đời vua Lê Nhân Tông) thứ tám (tức năm 1450) tại châu Nam Sách (làng gốm Chu Đậu, tỉnh Hải Dương, gần phố Hiến, một thương cảng quốc tế ở thế kỷ 17), do một thợ thủ công tên Bùi Thị vẽ chơi.” Chiếc be sứ Việt Nam này là báu vật của viện bảo tàng Topkapu Saray ở Istanbul, Thổ Nhĩ Kỳ từ 500 năm nay. Những đồ sứ Việt Nam tương tự cùng niên đại cũng được coi như những cổ vật tuyệt tác còn được trưng bày tại viện bảo tàng quốc gia Singapore, tại đền Ardenbil Shrine ở Ba Tư, do chủ nhân là vua Ba Tư Shad Abbàs dâng cúng năm 1611 và ngay cả một mảnh sứ vỡ Việt Nam, với nét vẽ hoa mẫu đơn theo bút pháp của nữ nghệ nhân Bùi Thị, được đào thấy tại ustat, Ai cập, bởi nhà khảo cổ Nhật Tsugio Mikami vào năm 1964 cũng được trân trọng mang về trưng tại viện bảo tàng Idemitsu of Arts ở Tokyo như một báu vật.²⁷

Tâm chương trích cú theo kiểu nghiên cứu nhà trường, nô lệ vào sách vở từ chương, cái gì có viết thành sách vở mới đáng tin và với tinh thần duy lý máy móc của Tây Phương thì không cách gì ta có thể đi trọn vẹn vào cốt tủy và nắm bắt toàn bộ trung thực truyền thống,

22 sđđ, t 54.

23 sđđ, t 55.

24 sđđ, t 55.

25 Trần Ngọc Thêm, sđđ, t 334.

26 sđđ, t 335.

27 Phan Quốc Sơn: Những Đóa Mẫu Đơn Của Nàng Bùi Thị, Tạp Chí Thế Kỷ 21, Santa Ana, số 82, t 42-46.

những thành tựu và những tinh anh của tiền nhân, đặc biệt đối với một dân tộc bị liên tục tàn phá nặng nề trên nhiều mặt như dân tộc chúng ta. Và riêng ngay cả trong lãnh vực ngôn ngữ cũng đã có sự khác biệt và hiểu lầm lớn lao giữa cách nói của người Việt Nam và cách hiểu của người bị Tây Phương hóa trong suy nghĩ. Tinh thần và tôn chỉ Dân Tộc Và Đạo Pháp hay Dân Tộc và Đạo Pháp là Một của Phật giáo Việt Nam hiện đại tuyệt đối không có nghĩa dân tộc chỉ bao gồm Phật giáo mà thôi và loại trừ những cái khác. Nó cũng dứt khoát không có nghĩa là đồng hóa quốc gia và Phật giáo và tôn xưng Phật giáo một cách độc tôn. Mà nó chỉ nói lên một sự thật lịch sử và văn hóa là sự gắn bó, dung hóa và tan hòa vào nhau, đến mức khó phân biệt, khó cách lìa giữa đạo Phật Việt và dân tộc Việt, hay chính xác hơn, giữa văn hóa Phật giáo Việt Nam với văn hóa Việt Nam.

Sự thật lịch sử này được tất cả những nhà nghiên cứu văn hóa có tầm quyền nhất, từ Lê Văn Siêu, Nguyễn Đăng Thục đến Hoàng Xuân Hãn, Đào Duy Anh, Nguyễn Huệ Chi, Trần Quốc Vượng.... Và ngay cả những nhà nghiên cứu Mác Xít, muốn che dấu, làm lu mờ vai trò của Phật giáo, cũng không thể không công nhận. Và đây là niềm tự hào, cũng như là tinh thần và tôn chỉ thiêng liêng của các giáo hội Phật Giáo từ Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất đến Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam, cũng như của hàng triệu Phật tử.

Phê bình một cách mỉa mai, khinh khi sự thật sống động, có thể thấy rõ trong bất kỳ thời đại nào, dưới bất kỳ chế độ nào, của hai ngàn năm lịch sử Việt Nam vừa qua là điều mà những thế lực thù nghịch với các tôn giáo dân tộc rất thích thú và làm thương tổn những người trân trọng, yêu mến các truyền thống văn hóa Việt Nam. Những người trí thức có hiểu biết và ý thức càng không nên có những nhận định như thế. Uống nước nhớ nguồn, chim có tổ, người có tông hay Tiên học lễ, hậu học văn....là những điều mà mọi người Việt Nam có đạo lý, có luân thường phải luôn luôn tâm niệm trong lòng.

Nếu đọc kỹ lịch sử Việt Nam sau 11 thế kỷ Bắc thuộc, ta thấy những gì về văn hóa và chính trị Việt Nam? Vua Ngô Quyền với những chuông hồ báo để xé xác các tù nhân; Vua Lê Long Đĩnh quán rơm vào các phạm nhân

để đốt cháy họ mà làm trò vui cười. Sử gia Hoàng Xuân Hãn, trong cuốn Lý Thường Kiệt đã viết: "*Các vua võ biên đời trước (nghĩa là trước đời Lý Trần) đã đem những thói giết chóc thời loạn ra thi hành ở thời bình. Những cực hình hàng ngày chứng tỏ rằng các vua ấy vẫn giữ tập tính của người rừng rú.*"²⁸ hay "*Niên hiệu Thái Bình năm đầu (968) vua Đinh Tiên Hoàng) mới lên ngôi, muốn lấy oai quyền chế ngự thiên hạ, đặt cái vạc dầu to ở sân, nuôi con mãnh hổ ở trong cũi, ra lệnh rằng ai trái mệnh lệnh phải chịu cái tội lửa nấu, hùm nhai.*"²⁹ Qua đời Lý thì "*Đời Lý là đời thuần từ nhất trong lịch sử nước ta. Đó là nhờ ảnh hưởng đạo Phật.*"³⁰ Theo lời nhận xét của sử gia Hoàng Xuân Hãn thì đến vua Trần Thái Tông (1225-1258), *thiền sư tác giả Khóa Hư lục, "từ bỏ ngai vàng như từ bỏ một đôi giày rách.*"³¹ Theo nhận xét của sử gia Ngô Thời Sĩ, vua Trần Thánh Tông (1258-1278) lo lắng, thương xót và chu cấp đầy đủ cho các phạm nhân, thương các tù nhân như thương con cái của chính mình,³² vua Trần Nhân Tông (1278-1293), tức thiền sư Trúc Lâm, tổ sáng lập Thiền phái Trúc Lâm Yên Tử, cởi áo long bào đắp cho một người ăn mày đói lạnh, khoan dung, tha thứ cho hết thầy những kẻ phản quốc, đã cộng tác với giặc Mông Cổ. Ngài đã để lại cho đời ý thức từ bi, cứu khổ sâu sắc, hùng mạnh: "*Trong nhân gian có người còn đói khổ thì trăm vẫn không được yên lòng.*"³³ Tất cả những hình ảnh đẹp đẽ, nhân ái này nói lên những gì? Và xuất phát từ nguồn văn hóa nào? Nếu không phải là từ suối nguồn từ bi, trí tuệ của Phật giáo Việt Nam?

Việt Nam đã lập quốc rất sớm, cách đây gần năm ngàn năm nhưng đó chỉ là sự hình thành một đất nước đơn sơ, bán khai, có bản chất hợp quần các bộ lạc, các gia tộc hơn là quốc gia hoàn chỉnh. Mãi cho đến thời Ngô Quyền, Đinh Bộ Lĩnh, Lê Đại Hành, và đặc biệt từ thời Lý, Trần, với sự đóng góp của các thiền sư và các yếu tố văn hóa Phật giáo mang nét đặc thù Việt Nam vì đã dung hóa sâu sắc với nền văn hóa bản địa, từ đó mới hình thành một quốc gia Việt Nam văn minh, có tổ chức tương đối hoàn chỉnh, hiện đại. Hệ thống bưu trạm, đề điều quy mô đã có từ đời nhà Lý, khoa học quân sự đời Lý được cả nhà Tống học hỏi, bắt chước và văn học, giáo dục thì dung hòa Tam Giáo rục rục, phong phú hơn cả

28 Lý Khôi Việt: Hai Ngàn Năm Việt Nam Và Phật Giáo, Phật Học Viện Quốc tế, Hoa Kỳ, 1981, t 218-219.

29 sđđ, t 219.

30 sđđ, t 221.

31 sđđ, t 23.

32 sđđ, t 245.

33 sđđ, t 21.

đời Lê Thánh Tông và vượt xa Tây Phương thời Trung Cổ và có những nét đặc sắc tiến bộ hơn cả nhiều chế độ trong thế kỷ 20 này, ngay cả trong lãnh vực luật pháp, biết tôn trọng quyền phụ nữ và nhân quyền. Theo truyền thuyết Việt Nam lập quốc từ thời Hùng Vương, cách đây 4,573 năm theo Việt lịch, tuy không có nhiều dấu vết chứng minh nhưng ta tạm coi đây là thời lập quốc lần thứ nhất hay đúng hơn, sự hình thành của dân tộc Việt Nam.

Đời Lý Trần, với rất nhiều bằng chứng xác đáng, được coi như thời lập quốc lần thứ hai, hay đúng hơn là thời hình thành quốc gia Việt Nam và đây mới là kỷ nguyên lập quốc huy hoàng, vinh quang nhất, chưa từng có trước đó và cũng chưa hề có trong các đời sau. Đặc biệt là tổ tiên chúng ta lập quốc sau khi bị nô lệ đế quốc Trung Hoa 1146 năm, còn gian nan, đau thương hơn cả dân tộc Do Thái tái lập quốc, và tuyệt vời còn hơn cả thân thoại vì Tê Thiên Đại Thánh bị đè dưới núi 500 năm mà không chết, còn dân tộc chúng ta bị đế quốc Bắc Phương đô hộ, suốt hơn gấp hai lần khoảng thời gian khủng khiếp này mà không bị diệt chủng, không bị đồng hóa- không những thế còn dũng mãnh đứng lên hình thành cường quốc Đại Việt và nền văn hóa Thăng Long, ngang hàng, bình đẳng với Trung Hoa.

Ai đã tạo nên công nghiệp vĩ đại này, kỳ tích mầu nhiệm này, đầy tính trí tuệ và văn hóa rất cao, nếu không phải là các thiên sư như Khuông Việt, Vạn Hạnh, nếu không phải là nền văn hóa Việt Phật, nền văn hóa Phật giáo chan hòa, bồi đắp, như nước với sữa, như máu với da thịt, vào nền văn hóa Việt Nam? Cho nên, nói như nhà văn hóa Lê Văn Siêu, chính nhờ đạo Phật, một nền văn hóa cao hơn văn hóa Trung Quốc, mà Việt Nam không bị Trung Hoa đồng hóa và đã lập quốc hiên ngang, hào hùng, nghĩa là đã tái sinh, đã sống lại hiển hách, vinh quang, trong lần lập quốc thứ hai, cách đây gần đúng một ngàn năm: Sự khai sinh thời đại Lý Trần vào năm 1009 với minh quân-Phật tử Lý Công Uẩn và quốc sư Vạn Hạnh.

Không phải đợi đến thời đại Lý Trần, ngay từ năm 544, anh hùng dân tộc Lý Bôn đã khởi nghĩa thắng lợi, đánh đuổi quân Tàu ra khỏi bờ cõi và thành lập một quốc gia đầu tiên sau 600 năm nô lệ phương Bắc. Việc đầu tiên là ông đặt tên nước là Vạn Xuân và xây một ngôi chùa lớn đặt tên là chùa Khai Quốc (sau đổi tên thành chùa Trấn Quốc). Tự tên gọi đã là một bản tuyên ngôn chính trị hùng tráng của một quốc gia Việt Nam độc lập,

tự chủ, và đồng thời cũng là một bản tuyên ngôn văn hóa rực rỡ: Phật giáo là Quốc Đạo của quốc gia Việt Nam, ngay từ thế kỷ thứ sáu, cách đây 1452 năm. Sự kiện lịch sử này đủ để nói lên công nghiệp cứu nước và dựng nước của Phật giáo trong thời kỳ đó và chứng minh đạo Phật đã đóng một vai trò quan trọng trong việc xây đắp tinh thần quốc gia của nhân dân Việt Nam. Đến đời Ngô, Đinh, Lê, và nhất là thời Lý Trần thì những đóng góp của Phật giáo đương nhiên còn mạnh mẽ hơn nữa, có tính cách quyết định hơn nữa, bởi vậy mới có các nhà sư được nhà vua tôn làm quốc sư, làm cố vấn của nhà vua và làm người thầy của cả quốc gia.

Kết luận tất nhiên là nếu không có Phật giáo, Việt Nam rất có thể đã bị mất nước vĩnh viễn, đã bị đồng hóa vĩnh viễn và hiển nhiên là không thể nào tự xây dựng thành một cường quốc hưng thịnh về văn học cũng như võ công như đã có trong thời đại Lý Trần. Và dĩ nhiên yếu tố văn hóa Phật giáo đã có quan hệ vô cùng mật thiết, chặt chẽ và sâu xa đến sự hình thành một quốc gia Việt Nam độc lập, hưng thịnh toàn diện trong thế kỷ 11, sau hơn một ngàn năm nô lệ Trung Hoa. Trước đó, như ta đã thấy, chỉ là sự phối hợp và tập hợp lỏng lẻo của các bộ lạc do nhu cầu đối kháng với Hán tộc (thời Hùng Vương với các Lạc hầu, Lạc tướng) hay chỉ là một quận huyện nội thuộc đế quốc Trung Hoa (sau thời Hùng Vương đến thế kỷ thứ 10, ngoại trừ những giai đoạn độc lập ngắn ngủi) hay chỉ là sự hình thành một nhà nước đơn sơ, có tính cách quân sự, quốc phòng, do nhu cầu chống ngoại xâm và sự suy tàn quá sớm của các triều đại (từ thời Ngô Quyền, Đinh Tiên Hoàng đến Lê Đại Hành).

Có công nghiệp dựng nước vĩ đại, lấy lòng và hết sức sâu đậm, nhưng khác với các tôn giáo khác, Phật giáo đã không tham quyền cố vị, đã không lợi dụng chính quyền để chèn ép các tôn giáo khác, cũng không độc tôn văn hóa, tư tưởng, giáo dục, học thuật như các chế độ đời sau, mà chính các quân vương Phật tử đời Lý đã xây dựng quốc học Việt Nam dựa trên Tam giáo và khuyến khích sự phát triển của Nho giáo và các thiên sư tự nguyện từ giã triều đình để trở về những ngôi chùa làng, nhường chính trường cho tầng lớp trí thức mới được đào tạo trong tinh thần khoan dung, tổng hợp truyền thống của dân tộc và của đạo Phật. Đó là nội dung tinh thần và văn hóa của tôn chỉ "Dân Tộc Và Đạo Pháp Là Một."

Ảnh hưởng quyết định của Phật giáo Việt Nam trong các nỗ lực tranh thủ độc lập, giải phóng dân tộc khỏi

Phê Bình Những Phê Bình..

mười một thế kỷ Bắc Thuộc và trong nỗ lực xây dựng một quốc gia Đại Việt hiện đại, hưng thịnh rực rỡ trong thời đại Lý Trần đã được khẳng định bởi nhiều tác giả Việt Nam có thẩm quyền và đã trình bày khá đầy đủ trong nhiều tác phẩm giá trị. Vì thế, nhận định rằng “*các thành tố tôn giáo trong việc kiến lập tinh thần quốc gia tại Việt Nam rất mờ nhạt*” của Như Hạnh chỉ đúng nếu ta không nhìn đạo Phật Việt Nam như một tôn giáo, mà như một nguồn văn hóa. Nhưng nếu nó là một tôn giáo, và đã đóng góp rất rõ nét, rất sâu đậm và rất quan trọng, có tính cách quyết định, là xây dựng một ý thức quốc gia độc lập, một chủ đạo tinh thần độc lập, một nền văn hóa độc lập và toàn diện, sâu rộng hơn, một Quốc Đạo hùng tráng, vẻ vang, thì nhận định trên không có giá trị vì quá sai lạc.

Dương nhiên Phật giáo không phải là thành tố duy nhất trong sự hình thành Việt Nam, như trường hợp một số quốc gia khác, nhưng nói sự đóng góp của Phật giáo là mờ nhạt, đặc biệt là trong sự tồn tại, vượt thắng và trở lại của Việt Nam sau mười một thế kỷ ngoại thuộc, thì dứt khoát phải nói rõ đây là nhận định lầm lẫn nghiêm trọng. Ngoài ra, trên mức độ chính trị, khẩu hiệu “*Dân Tộc Và Đạo Pháp Là Một*” về mặt chỉ có nghĩa là lấy đạo pháp để phục vụ dân tộc, chứ không có nghĩa là lấy dân tộc để phục vụ Phật giáo, theo đúng tinh thần mà vua Lý Nhân Tông, người lãnh đạo chính trị quốc gia, đại diện cho đời, truy tán quốc sư Vạn Hạnh, nghĩa lãnh đạo tinh thần của triều đại nhà Lý, đại diện cho Phật giáo Việt Nam: “*Vạn Hạnh dung tam tế. Chân phù cổ sấm thi. Hương Quan danh Cổ Pháp. Trụ tích trấn vương kỳ.*” (Thiền sư Vạn Hạnh hợp nhất được ba cõi quá khứ, hiện tại, vị lai. Đúng như lời thơ tiên tri cổ xưa. Quê nhà danh tiếng của thiền sư là làng Cổ Pháp. Thiền sư đã đem gậy nhà Phật, hay đem Phật giáo, để bảo vệ, hộ trì quốc gia).³⁴

Phật giáo đâu phải là một “chi bộ,” hay một “giáo xứ” của một đế quốc chính trị hay tôn giáo nào, và cũng không hề có một quốc tế Phật giáo nào hết nên Phật giáo Việt Nam chỉ có đất nước và dân tộc Việt Nam để phục vụ mà thôi. Đó là ý nghĩa chính trị của khẩu hiệu hành động trên. Khẩu hiệu này cũng có nghĩa, trong khung cảnh của chiến tranh ý thức hệ toàn cầu, Phật giáo không ở trong lòng tư bản quốc tế, cũng không ở trong lòng cộng sản quốc tế, mà chỉ ở trong lòng dân tộc. Khẩu hiệu này được đưa ra trong những giai đoạn quốc biến, quốc

nạn và sợi dây nối kết dân tộc và đạo pháp chính là lòng ái quốc, là tinh thần quốc gia dân tộc.

Ngon cờ Dân Tộc và Đạo Pháp, hay truyền thống đấu tranh cứu quốc, giải phóng dân tộc và truyền thống tâm linh, tín ngưỡng đậm đà màu sắc dân tộc, chỉ được phát lên, chỉ bùng nổ khi dân tộc cần cứu nguy, cần được cứu độ. Và đó chính là giai đoạn lịch sử nô lệ, bị dày xéo, chà đạp, bởi đủ các thế lực và ý hệ đến từ Tây Phương trong suốt hơn 100 năm nay. Các phong trào Bửu Sơn Kỳ Hương, Cao Đài, Phật Giáo Hòa Hảo tại miền Nam, phong trào của tăng sĩ Võ Trứ ở Bình Định Phú Yên, phong trào cứu quốc của thiền sư Vương Quốc Chính, quy tụ hàng trăm ngôi chùa từ Nghệ An ra đến Bắc Ninh, vào cuối thế kỷ 19, và các phong trào tranh đấu Phật giáo, trước 1945 cũng như sau 1945, trước 1963 cũng như sau 1963, trước 1975 cũng như sau 1975, phải được hiểu và đánh giá như những phong trào văn hóa, hơn là những phong trào chính trị. Đó là những sự bùng nổ của văn hóa Việt Nam, mà Phật giáo Việt Nam là nền tảng vững chắc và là thành tố sâu đậm nhất, trong cuộc trường kỳ đối kháng với các thế lực thực dân, đế quốc đến từ phương Tây, cũng như nó đã đối kháng với đế quốc Phương Bắc liên tục, trường kỳ từ hàng ngàn năm trước đó, trên các lãnh vực chính trị, quân sự, kinh tế, đến các địa hạt tôn giáo, văn hóa, tư tưởng, học thuật. Hay nói cách khác, đó là sự đối kháng của tinh thần quốc gia Việt Nam trước sự xâm lăng thô bạo của các đế quốc và các ý thức hệ ngoại lai, không phù hợp với bản sắc dân tộc. Không phải là các trống đồng của nền văn hóa Việt cổ, đã tự đứng lên để đối kháng và đối thoại với Tây Phương, mà chính những người yêu nước thấm nhuần truyền thống văn hóa, tâm linh, tôn giáo, tín ngưỡng của dân tộc, của Việt Nam, dĩ nhiên trong đó có hình ảnh kỳ vĩ, có âm thanh hùng tráng của những chiếc trống đồng cũng như hình ảnh thanh thoát của những mái chuông và âm thanh trầm hùng của những tiếng chuông, đã và đang tiếp tục đối kháng và đối thoại với Tây Phương, với các tôn giáo và các ý hệ, các nguồn văn hóa ngoại lai.

Trong suốt hơn 100 năm nay, và nếu kể luôn cả giai đoạn đối kháng và đối thoại với đế quốc Bắc phương thì trận chiến toàn diện này đã và đang tiếp diễn liên tục từ hai ngàn năm nay. Ai đã đại diện, đã là những nhân vật tiêu biểu nhất của cuộc đối kháng và đối thoại này? Có một người Việt cổ nào, người Mường, đại diện cho văn hóa bản địa, thuần túy của Bách Việt xa xưa đứng lên

34 sđđ, t214.

đối kháng và đối thoại, một cách có trí tuệ và đã thành công, với cả hai đế quốc phương Bắc và đế quốc phương Tây không? Có được mấy đạo sĩ hay nhà nho nào đảm nhiệm vai trò lịch sử này không? Xung quanh và trong suốt thời kỳ lập quốc lần thứ hai, một ngàn năm trước, ta chỉ thấy hình bóng, trùng trùng điệp điệp, nhiều không thể nào kể hết, của nhà sư, của các vị quân vương-bồ tát và của các Phật tử. Đến Nguyễn Trãi tự bản chất cũng là một thiền sư, còn Nho giáo chỉ là lớp vỏ bên ngoài. Khi thế hệ Nguyễn Trãi, sản phẩm tinh anh của nền văn hóa khai phóng, dung hợp thời Lý Trần, không còn thì Việt Nam bị rơi vào giai đoạn mất nước về tinh thần, tư tưởng, nghĩa là nô lệ văn hóa, từ suốt hơn 500 năm nay, nghĩa là từ đời nhà Minh thế kỷ 15 đến nay. Vì các triều Lê và triều Nguyễn đã từ bỏ nền văn hóa và quốc đạo Tam Giáo, mà đạo Phật là chủ đạo và cốt tủy, để chạy theo nền văn hóa của người Tàu và để cho ý hệ Tống nho khô cứng, tù chương, bất khoan dung thống trị tư tưởng, tâm thức, giáo dục, học thuật và văn hóa Việt Nam. Ta phải phân biệt cho rõ giữa các nền quân chủ Phật giáo, giai đoạn Việt Nam hết sức hưng thịnh, hùng mạnh trong thời đại Lý Trần với các nền quân chủ Nho giáo, giai đoạn Việt Nam cực kỳ suy tàn, xuống dốc, với các chế độ nhà Lê, nhà Nguyễn. Và suốt 100 năm kế tiếp: Sự mất nước văn hóa từ quỹ đạo Trung Hoa, đến giữa thế kỷ 19, chỉ chuyển qua quỹ đạo Tây Phương, Pháp, Hội Truyền Giáo Hải Ngoại, Mỹ, Vatican và ý hệ Mác Xít. Chu kỳ nô lệ văn hóa này vẫn chưa thoát ra được mãi cho đến hôm nay, cuối thế kỷ 20.

Chê trách các quân vương Phật tử đời Trần đã giao quyền chính trị cho Nho giáo và gạt bỏ đạo Phật ra khỏi khuôn khổ chính trị lại là một nhận định sai lầm to lớn khác vì đã không nghiên cứu kỹ lịch sử, văn hóa và chính truyền thống hành động của Phật giáo Việt Nam với bề dày lịch sử 20 thế kỷ. Nếu Phật giáo bị gạt bỏ khỏi chính trị trong đời Trần thì sử gia Trần Quốc Vượng và nhiều sử gia khác, trong chế độ Mác Xít hiện nay, rất ít thiện cảm với tôn giáo, đã không dám gọi nền quân chủ trong thời đại Lý Trần là nền quân chủ Phật giáo.³⁵ Và ta phải thẩm hiểu đã có những nền quân chủ Phật giáo vinh quang trong thời đại quân chủ, thì tại sao không thể có những nền dân chủ Phật giáo hưng thịnh trong kỷ nguyên dân chủ ngày nay?

Ở trong nước các sử gia đã gọi các thời kỳ vinh quang, hưng thịnh, rực rỡ nhất của dân tộc là thời kỳ QUÂN CHỦ PHẬT GIÁO, tức thời đại Lý Trần, mà các sử gia Mác Xít giáo điều đã không dám phản bác, và cũng không sợ ai phản bác, bịt miệng hay bỏ tù, vì họ đã có lý lẽ vững chắc, bằng chứng hùng hồn. Nếu hiểu biết mù mờ, cạn cợt, phiến diện về lịch sử, về chính trị, về văn hóa và cả về Phật giáo Việt Nam thì ta không cách gì có đủ trí tuệ để thưởng thức sự vĩ đại của các thiền sư thời Lý Trần và các Quân vương-bồ tát đời Trần như Trần Thái Tông, Trần Thánh Tông, Trần Nhân Tông... Và không đủ tư cách và thẩm quyền để đánh giá đúng đắn sách lược dựng nước, lập quốc rất khoan dung, sáng suốt của các vị đại minh quân, đại Phật tử đời Trần.

Đời Lý được khai sinh bởi thiền sư Vạn Hạnh, thầy của Lý Công Uẩn, tức hoàng đế Lý Thái Tổ. Tuy nhiên, khác với truyền thống Tây Phương, giáo hoàng phong chức hoàng đế cho các ông vua, Lý Công Uẩn, theo lòng dân, lên ngôi vua và tự phong mình là hoàng đế, và phong cho thầy của mình là Vạn Hạnh làm quốc sư, chớ không ngược lại. Đây là nét đặc biệt của văn hóa, tôn giáo và chính trị Việt Nam: Vì nhu cầu chống ngoại xâm, chính quyền quốc gia và quyền lực chính trị là tối thượng và vì bản chất của đạo Phật là sự khoan dung, vô nhiễm và siêu thoát kể cả khi dấn thân vào chính trị, không độc tôn, độc quyền và độc tài chuyên chế.

Vua Lý Công Uẩn trị nước hoàn toàn theo đúng tinh thần đạo Phật là từ bi, nhân ái, khoan dung độ lượng. Tuy lấy chủ đạo tinh thần là Phật giáo nhưng nhà vua và các thiền sư cũng đã khôn ngoan học hỏi Trung Hoa, tiếp thu Khổng giáo và xây dựng một triều đình và hệ thống hành chính, giáo dục theo khuôn mẫu cao nhất của Á Đông lúc đó, là khuôn mẫu Trung Hoa. Thực tế chứng minh là nếu không học hỏi, để tiến hóa ngang với mức độ văn minh của Trung Hoa thời đó hay của Tây Phương thời nay, thì hậu quả tất nhiên là chúng ta sẽ bị nô lệ, mất nước mà thôi. Điểm đặc sắc là tuy tiếp thu văn minh Trung Hoa nhưng các vị vua nhà Lý và các thiền sư đã tiếp thu một cách chủ động, có chọn lọc, có sáng tạo, có thích nghi, có dung hóa và chỉ sử dụng Nho giáo nói riêng hay văn minh Trung Hoa nói chung như là kỹ thuật học, còn cái hồn chủ đạo, cái quốc đạo tối thượng, cái nền móng, cốt tủy và bầu khí tinh thần vẫn là đạo Phật. Đó là lý do Đời Lý là đời thuần từ nhất trong

35 Trần Quốc Vượng: *Vài Nét Về Phật Giáo Dân Gian Việt Nam*, Kỷ Yếu thành Lập Trường Cơ Bản Phật Học Hà Tây, Hà Tây, 1992, t 38.

lịch sử nước ta³⁶ - và Đại Việt đã tiến hóa ngang hàng, bình đẳng với Trung Hoa đời nhà Tống, một trong những đời thịnh trị, hiển hách nhất của đế quốc phương Bắc. Việt Nam đã đánh bại đế quốc này trong hai lần thử lửa: một lần ta đánh thắng và thắng ngay trên đất Tàu, lần duy nhất trong lịch sử, năm 1075, và lần ta đánh tan chúng trên nước ta, vào năm 1076. Đời nhà Trần, do nhà đại chính trị Trần Thủ Độ khai sáng về mặt chính trị, nhưng được khai sáng về mặt tâm linh, văn hóa bởi quốc sư Phù Vân. Vua đầu tiên của nhà Trần là Trần Cảnh, tức Trần Thái Tông, khi đã chán ngai vàng bỏ lên núi Yên Tử để xin xuất gia làm tăng sĩ, Thiền sư Phù Vân đã cầm tay vua, yêu thương nói: *"Trong núi vốn không có Phật. Phật ở trong tâm ta. Nếu tâm ta lắng yên và trí tuệ xuất hiện thì đó là Phật. Nếu bề hạ giác ngộ tâm ấy thì tức khắc thành Phật ngay tại chỗ, không cần tìm kiếm cầu cục nhọc bên ngoài."*³⁷ Thiền sư còn khai thị cho vua về chính trị, cách trị nước, lãnh đạo quốc gia: *"Phàm làm đấng nhân quân, phải lấy ý thích thiên hạ làm ý thích của mình, lấy tâm thiên hạ làm tâm của mình."*³⁸ Và từ đó bùng nổ huy hoàng một triều đại anh hùng nhất, trí tuệ nhất, hưng thịnh nhất trong lịch sử Việt Nam. Nhà Trần tiếp nối và nâng cao đến tuyệt đỉnh những thành tựu vĩ đại của nhà Lý từ bi, nhân bản, khai phóng và khoan dung, triều đại đã nâng đỡ Nho giáo, khuyến khích nhân tài. Dù vua Lý Thánh Tông (1054-1072) hết sức sùng mộ đạo Phật, đã tôn một từ nhân bắt được tại Chiêm Thành, thiền sư Thảo Đường, lên làm quốc sư, chính vua đã học đạo, đặc pháp và trở thành tổ thứ hai của thiền phái Thảo Đường, vua cho dựng văn miếu, đúc tượng Khổng Tử năm 1069. Vua Lý Nhân Tôn (1072-1127) vô cùng sùng kính đạo Phật, phong cho thiền sư Khô Đầu làm đại sư, cố vấn chính trị tối cao và trị quốc theo Chánh Pháp, làm cho đất nước hưng thịnh cực điểm. Vua nghe pháp trong ngày rằm, ngày mồng một, mở Thiên Phật Hội (Hội một nghìn Đức Phật) năm 1118 và khánh thành 84 ngàn bảo tháp năm 1124. Trong thời này, Lý Thường Kiệt dẫn 10 vạn hùng binh đánh thắng vào đất nhà Tống. Và sau đó đánh tan cuộc phản kích của chúng. Từ đó, bài Nam Quốc Sơn Hà Nam Đế Cư, tuyên ngôn độc lập đầu tiên của Việt Nam, được khai sinh năm 1076. Nhưng chính vua cũng mở

khoa thi tam trường Nho, Phật, Lão, lập trường Quốc Tử Giám năm 1076, và lập Hàm Lâm Viện quốc gia năm 1086.³⁹

Tên căn bản lấy đạo Phật làm chủ đạo tinh thần cho văn hóa, chính trị và các đường lối, chính sách quốc gia, đồng thời tiếp thu có chọn lọc, dung hóa Nho giáo và văn minh Trung Hoa như là kỹ thuật học để xây dựng, phát triển quốc gia, mà nhà Lý đã khai sáng một cách tuyệt vời, nhà Trần đã tiếp nối cực kỳ xuất sắc Quốc Đạo này, con đường đúng nhất, siêu việt nhất để Việt Nam lưu giữ được bản sắc đặc thù của mình, mà vẫn sánh vai tiến bước phát triển ngang tầm với các nền văn minh rực rỡ nhất. Triều đại nhà Trần khai phóng, khoan dung cũng tuyệt vời, vĩ đại như nhà Lý từ bi, nhân bản. Nhưng siêu vượt hơn một bậc, là chính các quân vương đời Trần là những thiền sư chứng đạo và cả triều đại thơm ngát một hương vị thiền tông phóng khoáng, dũng mãnh, siêu thoát. Vua Trần Thái Tông đã thành tựu cùng một lúc cả hai sự nghiệp của bậc đế vương và bậc đại trượng phu: Sự nghiệp trị quốc theo Chánh Pháp, lấy Chánh Pháp để bảo vệ, hộ trì và phát triển quốc gia đến tuyệt đỉnh hưng thịnh, vinh quang và sự nghiệp giác ngộ, giải thoát ngay giữa cuộc đời. Vua khiêm tốn viết: *"Trăm lo việc chăn dân, mỗi lúc gian nan thường lẫn lộn trong công việc quên cả sớm chiều. Công việc có hàng vạn thứ mà thì giờ nhân rồi không có được bao nhiêu. Siêng công việc, tiếc thì giờ, trăm cố gắng học hành thêm. Chú nghĩa thì chưa biết được bao lắm nên ban đêm đến khuya vẫn còn thức để đọc sách, đọc sách Nho rồi đọc sách Phật."*⁴⁰ Vua đọc sách Nho như một môn chính trị học, hành chánh công quyền học và xã hội học, và học Phật như một môn học cần thiết cho sự thương yêu, phụng sự bình đẳng, tu dưỡng tâm tánh, giải thoát tâm linh, xây dựng một bầu khí tinh thần tự do, phóng khoáng, một chủ đạo văn hóa bao dung, hùng mạnh. *"Mười mấy năm, mỗi khi công việc thu rồi, trăm lại họp các vị kỳ đức để bàn luận đạo Thiền và các kinh nhà Phật không cuốn nào là trăm không xem xét."*⁴¹

Thâm hiểu Phật, Nho, hết lòng xiển dương Phật giáo, ra sức nâng đỡ Nho giáo nên Phật giáo hưng thịnh rực rỡ và Nho giáo cũng phát triển khởi sắc, cả hai cùng phân công hợp tác xây dựng quốc gia Đại Việt. Nhờ vậy nhà

36 Lý Khôi Việt, sđd, t 15.

37 sđd, t 106.

38 sđd, t 107.

39 sđd, t t 97.

40 sđd, t 110.

41 sđd

Trần mới cố kết được lòng dân, có nhiều nhân vật kỳ tài xuất hiện và mới đánh thắng cả ba lần xâm lăng của đế quốc Mông Cổ hùng mạnh. Trần Nhân Tông cũng như Trần Thái Tông bỏ ngai vàng đi tu, sau khi lãnh đạo quân dân chiến thắng về vang giặc Nguyên-Mông. Cả khi làm vua, ông vẫn ăn chay trường như một cư sĩ gương mẫu nhất, nhưng cũng chính ông khuyến khích, trọng đãi Nho giáo. Về sau ông đi tu trở thành đại thiên sư Trúc Lâm, tổ sáng lập thiền phái Trúc Lâm Yên Tử.

Truyền thống lấy Phật giáo làm chủ đạo tâm linh, tinh thần, văn hóa của quốc gia, đưa Phật Pháp vào đời sống đạo đức, xã hội, chính trị của quốc dân và của chính mình, nhưng đồng thời chủ động tiếp thu, chọn lọc, sử dụng các tôn giáo khác, các nguồn văn hóa và văn minh khác để phát triển cao nhất đất nước, đã là một truyền thống hùng tráng, siêu việt được duy trì một cách quân bình, sinh động cho đến cuối đời Trần. Đây là truyền thống đáng tán dương và cần được thực thi trong thời đại hôm nay.

Trong đời Trần, Phật giáo không bị gạt bỏ khỏi khuôn khổ chính trị, mà trái lại Phật giáo là nền tảng của chính trị, là linh hồn của chính trị, là chủ đạo chính trị quyết định tinh thần, bản chất, nội dung, hình thái chính trị của thời đại. Không những thế, cũng như đời Lý, trong đời Trần, Phật giáo chính là Quốc Đạo của Việt Nam, của cường quốc Đại Việt. Và đó là lý do tại sao nhà Trần là thời đại hưng thịnh, hùng mạnh, sáng chói nhất của Việt Nam. Các nhà Nho chỉ là những chuyên viên cai trị, có chức năng tương đương như giới chuyên viên, kỹ thuật gia hiện đại, là chức năng thích hợp nhất cho giới trí thức được đào tạo từ học thuyết Khổng-Mạnh. Nếu nghĩ các nhà sư phải ra làm quan và các Phật tử được chia nhau dành nắm độc quyền các chức vụ công quyền thì Phật giáo mới không bị gạt bỏ khỏi khuôn khổ chính trị là một cái nhìn quá Tây phương, và giáo điều.

Đạo Phật và các Phật tử hiểu đạo, mà các quân vương Lý Trần là những người tiêu biểu, không bao giờ xây dựng đất nước và xây dựng đạo Phật hưng thịnh một cách nông cạn và độc tài như thế. Giáo chủ Phật giáo Hòa Hảo Huỳnh Phú Sổ, dù chỉ mới học xong tiểu học, nhưng bằng tuệ giác của một bậc bồ tát hóa thân, đã tuyên bố một câu lịch sử: "Đối với toàn thể tín đồ Phật giáo, tôi vẫn không quên rằng tôi là một đệ tử trung thành

của Đức Phật Thích Ca. Tôi tin chắc rằng giáo lý giải thoát chúng sanh chẳng những được truyền bá ở thiên lâm mà còn phải được thực hiện trên trường chánh trị."⁴² Các vị minh quan Phật tử đời Trần là những người đã có trình độ học vấn cao nhất của thời đó, họ còn là những Phật tử nhiệt thành, và hơn thế nữa, còn là những thiền sư chứng đắc lẽ nào lại không thấy được một điều căn bản và hệ trọng như Huỳnh Giáo Chủ đã thấy rằng giáo lý giải thoát chúng sanh chẳng những được truyền bá ở thiên lâm mà còn phải được thực hiện trên trường chánh trị? Một vị minh quân nhìn xa thấy rộng, muốn bảo vệ sự độc lập văn hóa và chính trị của Việt Nam cũng phải đủ sáng suốt để biết và để áp dụng chính lược giữ nước và dựng nước xuất sắc, siêu việt này. Huống gì là những quân vương-bồ tát nhà Trần. Thể hiện Phật giáo trên trường chính trị không gì hay hơn bằng trao cho thời đại, cho chính trị, cho văn hóa, cho xã hội, cho giới trí thức, cho mọi người dân một nội dung Phật chất, một tinh thần Phật giáo, tức tinh thần tự do, khai phóng, dung hợp, tinh thần từ bi, trí tuệ và đại hùng.

Và con đường thực dụng, hữu hiệu, căn bản nhất để Phật giáo hóa chế độ, thời đại và khuôn khổ chính trị là con đường giáo dục theo tinh thần Phật giáo. Đời Trần, cũng như đời Lý, tất cả học sinh, sinh viên mọi trình độ đều phải học Tam giáo Phật, Nho, Lão và các kỳ thi đều là những kỳ thi Tam giáo. Cái đáng ca ngợi của các nền quân chủ Phật giáo là các chế độ này đã không áp đặt độc tôn Phật học như là môn học duy nhất và kiến thức duy nhất được giảng dạy trong nhà trường và để thăng tiến trong xã hội. Và biết dung hòa, tổng hợp các nguồn văn hóa, văn minh, tư tưởng, học thuật và tôn giáo khác để đào tạo những con người toàn diện, đạo đức, hữu dụng cho quốc gia xã hội. Thật khó tưởng tượng các chế độ Thiên Chúa giáo độc tôn tại Âu Châu trong thời Trung Cổ lại có thể cho dạy về Hồi giáo và Do Thái giáo, là những tôn giáo rất gần gũi với Thiên Chúa giáo, về địa dư cũng như về nguồn gốc giáo lý. Các thiền sư, là quốc sư của quốc gia và chế độ chính trị, cũng như những vị vua Phật tử đời Lý, Trần, là những người lãnh đạo chính trị, đã có sự khoan dung, và sự công minh, sáng suốt để sáng tạo một nền giáo dục khai phóng, dung hòa, tổng hợp xuất sắc. Đó là một trong những phương thế chính, và hữu hiệu, để thể hiện Phật giáo trong chính trị, chỗ không phải là hiện tượng của sự loại trừ Phật giáo khỏi chính trị như có người lầm tưởng. Và chính sách

42 Lê Hiếu Liêm, sđd, t 187.

Phê Bình Những Phê Bình..

giáo dục Tam giáo, dưới sự chủ đạo của tinh thần tự do, khoan dung Phật giáo, đã được các nhà vua đời Lý và đời Trần liên tục duy trì suốt trong 400 năm. Quả là một điều nhiệm mầu và vĩ đại, từ cuối thế kỷ thứ 10 đến cuối thế kỷ 14. Sự khoan dung và vĩ đại này chỉ được thiết lập, xây dựng và bồi vệ bởi Phật giáo.

Và khi Phật giáo không còn là chủ lực tinh thần của quốc gia và các quân vương Phật tử không còn lãnh đạo đất nước thì sự dung hóa, tổng hợp cao rộng, siêu việt này bị phá vỡ và thay vào đó là sự độc tôn của ý thức hệ Nho giáo, từ thế kỷ 15 đến thế kỷ 19, và của các ý thức hệ Tây Phương, từ cuối thế kỷ 19 đến cuối thế kỷ 20.

Phật tử Lý Đông A, người sáng lập chủ thuyết Duy Dân và Đảng Đại Việt Duy Dân vào khoảng năm 1940, đã khẳng định chắc nịch: "*Giáo dục là khởi điểm và cũng là chung điểm của chính trị.*"⁴³ Trước triết gia Lý Đông A một ngàn năm, thiền sư Vạn Hạnh cũng đã thầy như thế nên ông đã huấn luyện chú bé Lý Công Uẩn thành một con người đạo đức, tài ba và toàn diện để chú bé này có thể trở thành một minh quân khai sáng Thời Đại Lập Quốc Mới cho Việt Nam sau 1146 năm mất nước và nô lệ đế quốc phương Bắc. Độc đáo hơn nữa là tuy Lý Công Uẩn là đệ tử ruột của sư Vạn Hạnh, nhưng ông đã không cho chú bé Lý Công Uẩn xuất thành thành một chú tiểu, mà huấn luyện chú thành một võ tướng và giới thiệu chú với vua Lê Đại Hành và chú đã trở thành Tả Thân Vệ Điện Tiền Chỉ Huy Sứ và sau đó trở thành hoàng đế Lý Thái Tổ, dù chú bé Lý Công Uẩn muốn đi tu hơn là muốn làm vua. Mãi về sau, sau khi hoàn thành sự nghiệp lập quốc, ông mới thực hiện giấc mơ từ lúc nhỏ của ông là xuất gia tu ở chùa Tiêu Sơn, bên giòng sông Đuống, cạnh đền thờ Phù Đổng Thiên Vương tức đền thờ Thánh Gióng.⁴⁴

Con đường giáo dục theo tinh thần Phật giáo để đào tạo một thể hệ lãnh đạo văn hóa và lãnh đạo chính trị của quốc gia tiếp tục được duy trì bởi các vị quốc sư và các vị quân vương-Phật tử trong suốt bốn thế kỷ của thời đại Lý-Trần. Và tuy quốc sư Vạn Hạnh để lại công nghiệp trùm cả núi sông nhưng chính sư là người đã cho dời đô từ Hoa Lư chật hẹp, hiểm trở về Đại La, tức Thăng Long, Hà nội ngày nay. Sư đã soạn chiếu dời đô cho Thăng Long là ở giữa khu vực trời đất, có địa thế rồng quấn hổ

phục, ở giữa Nam, Bắc, Đông, Tây, tiện hình thế núi sông sau trước: đất rộng mà bằng phẳng, chỗ cao mà sáng sủa, dân cư không khổ vì ngập lụt, muôn vật rất thịnh mà phồn vinh.⁴⁵ Chính sư Vạn Hạnh đã là kiến trúc sư vẽ họa đồ xây thành Thăng Long. Sư cũng là linh hồn của kỷ nguyên lập quốc rực sáng từ bi, trí tuệ. Sư là quốc sư của một triều đại khoan dung, hưng thịnh. Sư là cha đẻ của các huyền thoại đưa Việt Nam lên ngang hàng với Trung Hoa, từ huyền thoại Rồng Tiên (Việt tộc là con Rồng, cháu Tiên), huyền thoại Hồng Bàng (có nghĩa là ý thức Việt tộc như con chim bay giữa không gian là cái nhà lớn- và thời gian là giòng sông- chiết tự ở hai chữ Hồng Bàng),⁴⁶ đến huyền thoại Phù Đổng Thiên Vương (theo hình ảnh Tỳ Sa Môn Thiên Vương-Vaishavana- và Sóc Thiên Vương trong Phật giáo, những vị thần bảo vệ quốc gia).⁴⁷ Đền thờ Phù Đổng Thiên Vương nằm gần chùa Kiến Sơ, gần bến đò Bồ Đề, do chính vua Lý Thái Tổ (Lý Công Uẩn) cho xây dựng rất nguy nga trên bờ sông Đuống. Chùa Kiến Sơ, tương truyền do thiền sư Vô Ngôn Thông xây dựng khoảng năm 800 (cách đây 1200 năm). Trong chùa có nhiều pho tượng quý, đáng chú ý là pho tượng Phật đang nằm ấn quyết và tượng vua Lý Thái Tổ, học trò sư Vạn Hạnh và người khai sáng nhà Lý từ bi nhân bản. Vua về sau đã trở về tu tại chùa Kiến Sơ này. Giả thuyết chính sư Vạn Hạnh cũng là người sáng chế huyền thoại Phù Đổng Thiên Vương (Thánh Gióng) phá tan giặc Ân là một điều có cơ sở vì chùa Kiến Sơ, và đền thờ Phù Đổng Thiên Vương, cũng như kinh thành Thăng Long, đều có in sâu đậm dấu vết của sư Vạn Hạnh và vị thần bảo vệ quốc gia chỉ có trong kinh điển Phật giáo, chứ không có trong Khổng giáo hay Lão giáo hay trong thần thoại nhân gian của người Việt cổ. Sư là người xây dựng ý thức quốc gia dân tộc của Việt Nam và quả thật đã thành công rực rỡ trong việc xây dựng một nước Đại Việt kỷ cương, văn minh, giàu mạnh và tiến bộ.

Nhưng có lẽ sự nghiệp lớn nhất của quốc sư Vạn Hạnh là sự nghiệp giáo dục: Đào tạo những thể hệ, những con người Việt Nam theo tinh thần Phật giáo. Đó chính là nền tảng của chính trị, là nội dung của chính trị, là mục đích của chính trị. Chính trị là lãnh đạo và quản trị công minh quốc gia để cho xã hội được hài hòa

43 Xem thêm Lý Đông A với các tác phẩm Huyết Hoa, Chu Tri Lục, Thiết Giáo, Gió Đáy, Sài Gòn.

44 Lý Khôi Việt: Lý Công Uẩn, Đền Thờ Thánh Gióng Và Chùa Kiến Sơ, Tạp chí Bông Sen số 1, t 19.

45 Lý Khôi Việt: sđd, t 226.

46 sđd t 232-233.

47 Như Hạnh, sđd, t 158.

phát triển và để cho mọi người tự thực hiện và tự thăng hoa toàn diện con người của mình. Trong thời Lý Trần, Phật giáo đã ngự trị lý tưởng chính trị này, như Phật Tổ ngự trị trên tòa sen. Dứt khoát là như thế. Chính nền giáo dục và chính trị trong tinh thần tự do, khai phóng, khoan dung, của Phật giáo là lý do giải thích hai triều đại Lý Trần đã tồn tại, với nhiều thời kỳ hưng thịnh hiển hách trong suốt 400 năm. Còn những triều đại của những bậc kỳ tài khác, với những cải cách rất tiến bộ, như Hồ Quý Ly, như nhà Tây Sơn sụp đổ rất nhanh chóng. Thiển sư Vạn Hạnh, tóm lại, chính là người mở đầu của truyền thống hành động “Trụ tích trấn vương kỳ” (Lấy tinh thần Phật giáo để xây dựng, bảo vệ và phát triển quốc gia) của các thiển sư và quân vương-Phật tử thời Lý Trần cũng như của nhiều thế hệ tăng, ni, Phật tử Việt Nam suốt cả một ngàn qua. Mãi cho đến gần cuối nhà Trần, Việt Nam vẫn giữ được chủ đạo văn hóa độc lập và độc sáng của mình, không bị Hán hóa, không nô lệ Trung Hoa.

Một số Nho sĩ, như Lê Bá Quát, Phạm Sư Mạnh... muốn bắt chước văn hóa, phong tục Trung Hoa để họ có vai trò độc tôn, tối thượng như vai trò lãnh đạo quốc gia của Nho sĩ Trung Hoa, nhưng đã bị vua Trần Minh Tông cự tuyệt: *“Nước ta đã có phép tắc nhất định, và lại Nam Bắc phong tục khác nhau. Nếu theo lời của các người, chỉ cốt để cho thành tựu mưu chước thì chỉ sinh loạn mà thôi.”*⁴⁸ Vua Trần Nghệ Tông cũng nói rằng: *“Triều đình dựng nước tự có pháp độ riêng, không theo chế độ nhà Tống, là vì Nam Bắc đều làm chủ nước mình. Khoảng năm Đại Trị (Thời Du Tôn) kẻ học trò mặt trắng được dùng, không hiểu ý sâu xa của sự lập pháp cho nên đem pháp chế cũ của tổ tông thay đổi theo tục phương Bắc cả, như về y phục, nhạc chương, không thể kể hết. Từ nay, chính trị buổi đầu phải trở lại theo đúng lệ cũ đời Khai Thái (đời Minh Tông).”*⁴⁹

Như thế ta thấy ngay cả những vị vua Trần gần cuối cùng của triều đại (sau vua Trần Nghệ Tông là Trần Thuận Tông và Trần Thiếu Đế, nhưng cả hai ông vua này đều bị Hồ Quý Ly khống chế) cũng đã bảo vệ nghiêm ngặt sự độc lập tư tưởng, tinh thần, văn hóa, tôn giáo, học thuật, phong tục... của Đại Việt và đã sáng suốt đập tan những sự xâm lăng nô dịch văn hóa của Trung Hoa do sự áp đặt của những nho sĩ non nớt, vọng ngoại, không thấm nhuần nền văn hóa Tam giáo đặc thù Việt Nam và không có ý thức tự chủ văn hóa cao độ. Qua

những sắc chỉ này của các vua Trần Minh Tông, Trần Nghệ Tông hai vua nhà Trần cai trị Việt Nam trong cuối thế kỷ 14, ta thấy rõ đến cuối thế kỷ này văn hóa Việt Nam, đặt nền tảng trên Tam giáo, mà Phật giáo là linh hồn và chủ đạo, vẫn ngự trị sinh mệnh văn hóa-chính trị quốc gia. Và đa số trí thức, quan lại, tướng sĩ... tiếp tục được đào tạo trong tinh thần Tam giáo Nho, Phật, Lão, vẫn là tầng lớp lãnh đạo chiếm đa số và có ưu thế, trong triều đình lẫn trong xã hội, dưới sự hướng dẫn tinh thần siêu thoát của các thiển sư và sự lãnh đạo chính trị sáng suốt của các quân vương-Phật tử, dù rằng trong giai đoạn nửa sau của thế kỷ 14, hùng khí Đông Á đã suy tàn. Mãi đến cuối thế kỷ 14 và đầu thế kỷ 15, Hồ Quý Ly cướp ngôi nhà Trần, sợ ảnh hưởng quật khởi của nhà Trần nên ông đã triệt hạ Phật giáo, nên tảng tinh thần, văn hóa của thời đại Lý Trần, và cũng là xương sống của nền văn hóa dân tộc. Chính sách này được tiếp tục đẩy mạnh hơn nữa bởi quân nhà Minh, chỉ trong 20 năm trời thống trị, chúng thi hành quy mô, tàn độc chính sách diệt chủng văn hóa, thiêu hủy, đập phá tất cả cơ ngơi nguy nga đồ sộ của nền văn hóa dân tộc, được phát huy rực rỡ nhất trong đời nhà Trần. Sau thời Minh thuộc, Lê Lợi, cũng như Hồ Quý Ly, kẻ đã có trăm vạn quân nhưng không giữ nổi nước trong 30 ngày, cũng sợ sự phục hưng của nhà Trần, mà chủ lực mà Phật giáo, nên đã đàn áp, bức hại Phật giáo và chỉ dựa vào Nho giáo và giới Nho sĩ để cai trị. Và tạo điều kiện cho Nho giáo, vốn đã suy đồi thành một cái học từ chương, xơ cứng, vô dụng, trở nên ý thức hệ độc tôn và độc quyền thống trị nên sinh mệnh văn hóa-chính trị Việt Nam.

Đánh vào Phật giáo cũng có nghĩa là đánh vào nền tảng và bầu khí tinh thần của nền văn hóa dân tộc, tức là đánh vào sự độc lập văn hóa và bản sắc đặc thù của Việt Nam, dựa trên tinh thần khai phóng, dung hòa và tổng hợp sáng tạo. Từ đó, Việt Nam bị xô đẩy vào chu kỳ nô lệ văn hóa, nô lệ tư tưởng, học thuật, tôn giáo Trung Hoa. Chu kỳ nô lệ này càng được đẩy mạnh hơn, tàn khốc hơn, tối tệ hơn bởi nhà Nguyễn, từ đầu thế kỷ 19: Việt Nam chỉ là một nước Trung Hoa thu nhỏ, tất cả mọi lãnh vực đều rạp khuôn theo Trung Hoa. Sự nô lệ văn hóa-chính trị này kéo dài suốt từ đầu thế kỷ 15 đến cuối thế kỷ 19, suốt hơn 500 năm. Và đó là nguồn gốc của tất cả mọi thảm họa mà Việt Nam phải gánh chịu trong thế kỷ 20 này: Thực Dân, Cộng Sản, các chế

48 Lý Khôi Việt, sdd, t 151.

49 sdd, t 151.

Phê Bình Những Phê Bình..

độc độc tài Gia Tô trá hình...là hậu quả tất nhiên của một nước Việt Nam vô chủ, một nước Việt Nam không còn sự độc lập văn hóa, tôn giáo, chính trị, và ngay cả không còn sự độc lập trong tâm thức, tinh thần, tư tưởng. Một nước Việt Nam không còn quốc đạo truyền thống, không còn chủ đạo văn hóa khai phóng và siêu việt có khả năng dung hòa, hóa giải và tổng hợp cao độ. Thiếu sinh lực văn hóa hùng hậu và sinh động nó đương nhiên suy yếu, lụn bại, như một thân xác không còn thần khí, không còn trí tuệ và sức sống. Nó trở thành miếng mồi ngon cho các thế lực thực dân, đế quốc và sẽ tiếp tục số phận đau thương này, cho đến khi nào chúng ta phục hồi lại được sự độc lập văn hóa và truyền thống văn hóa dân tộc đã thể hiện sinh động, rực rỡ như trong thời đại Lý Trần.

Còn thơ văn Lý Trần là "ít ỏi", "luôm thuôm", và "lai Tàu"? Chúng ta hãy nhìn vào bằng chứng trước khi kết luận vội vã.

Tuy bị chính sách diệt chủng văn hóa của Trung Hoa tàn phá nặng nề, rồi thêm nạn chiến tranh, binh lửa liên tục trong thời nhà Lê (nội chiến Trịnh-Mạc, Trịnh-Nguyễn, Nguyễn Ánh-Tây Sơn kéo dài suốt 300 năm, từ thế kỷ 16 đến cuối thế kỷ 18, nguyên do chính là sự sụp đổ của chủ đạo tinh thần, văn hóa dân tộc theo tinh thần Phật giáo) và chính sách tự hủy, tự diệt nền văn hóa dân tộc độc sáng, siêu việt bởi nhà Lê, nhà Nguyễn nên di sản Lý Trần còn lại không được một phần ngàn. Nhưng một phần ngàn này cũng đã phong phú hơn, khởi sắc hơn và cao vượt hơn tất cả sản phẩm văn hóa của các đời sau.

Trên nhiều lãnh vực, Việt Nam hôm nay, cuối thế kỷ 20 vẫn thua sút rất nhiều Việt Nam trong thời Lý Trần. Riêng phần di sản thơ văn trong thời Lý Trần một phần đã được sưu tập lại trong bộ Thơ Văn Lý Trần đồ sộ, gồm ba cuốn, khổ lớn hơn hai ngàn trang. Những bài thơ hài cú nổi tiếng của Nhật, chỉ ba câu và 17 chữ, và cũng rất thường theo tiêu chuẩn Việt Nam, nhưng được coi như quốc bảo thi ca của Nhật Bản. Ở đây ta chỉ tạm giới thiệu một vài bài thơ của thời Lý Trần để thấy thi ca Việt Nam, nếu không hơn, thì cũng không thua gì thi ca Nhật Bản. Vua Trần Nhân Tông, tức thiền sư Trúc Lâm, đã làm bài những bài thơ thể hiện một nhân cách

lớn, một tâm hồn lớn và sự tự do thênh thang của một người giác ngộ. Đặc sắc là bài thơ nào cũng đầy tiếng cười, đầy mùa xuân, bát ngát một sự trầm hùng, an lạc, tự tại.

Ngay cả trong rừng thi ca Việt Nam hiện đại, cũng hiếm có những bài thơ nào có thể so sánh, về ý tứ cũng như về nghệ thuật. Thơ nguyên tác chữ Nho, chỉ tạm dịch nghĩa, bài Mạn Hứng Ở Sơn Phòng: "Ai trôi buốt mà phải tìm phương giải thoát. Phẫn cách chẳng phàm tục cần gì tìm thần tiên. Vuơn nhàn, ngựa mỏi, người cũng đã già. Vẫn một chiếc giường thiên ở am mây cũ. Niềm thi phi rụng theo hoa buổi sớm. Lòng danh lợi lạnh theo trận mưa đêm. Hoa rụng hết, mưa đã tanh, núi non tịch mịch. Một tiếng chim kêu lại cảnh xuân tàn."⁵⁰ Bài Đề Chùa Làng Hương Cổ Châu: "Số đời hoàn toàn mù mịt. Tình người đời thay qua đời mắt. Khi cung ma bị quản chặt. Thi cốt Phật trần ngập mùa xuân." Bài Xuân Muộn: "Tuổi trẻ chưa từng hiểu rõ sắc với không. Mỗi khi xuân đến vẫn gờ lòng trong trăm hoa. Ngày nay đã khám phá được bộ mặt chúa xuân. Ngồi trên nệm cỏ giữa tâm phần nhà chùa ngắm cánh hoa rụng."⁵¹ Hay thiền sư Thường Chiếu đã để một bài thi kệ tuyệt tác: "Đạo vốn không nhan sắc. Mà ngày càng gắm hoa. Trong ba ngàn cõi ấy. Đâu chẳng phải là nhà."⁵² Hay thiền sư Huyền Quang, đệ tam tổ thiền phái Trúc Lâm Yên Tử, tác giả một bài thơ siêu thoát và tuyệt đẹp: "Người ở trên lầu hoa dưới sân. Vô ưu ngồi ngắm khói trầm xông. Hồn nhiên người với hoa vô biệt. Một đóa hoa vàng chợt nở tung."⁵³ Những bài thơ già, xưa, cũ, đã 700-800 tuổi này hay, đẹp không kém gì những bài thơ Nhật nổi tiếng nhất- và hơn thế nữa- vừa hùng mạnh, vừa siêu thoát. Ngày nay có mấy người làm thơ đạt đến như thế?

Nói tóm lại, vì mang tinh thần duy lý máy móc, hời hợt của cái học Tây Phương, không hiểu sâu xa thấu đáo văn hóa, lịch sử, tôn giáo Việt Nam, thiếu sự trân trọng, khiêm tốn đối với di sản của tiền nhân, mang căn tính tôn thờ ngoại lai, coi khinh gia tài văn hóa của tổ tiên, nên nhiều nhà nghiên cứu, dù có thiện chí, chớ không có ác ý, đã vô tình tiếp tay đập đổ, phá hủy di sản văn hóa dân tộc hiếm, quý còn sót lại sau những đợt diệt chủng văn hóa quy mô và tàn khốc của ngoại bang và của những kẻ tay sai văn hóa.

50 Hiền Lương: Cõi Phật Trần Ngập Mùa Xuân, Bông Sen số 20, t.8.

51 sđd, t.8

52 Lý Khôi Việt, sđd, t.129.

53 sđd, t.140

Mặt khác, sự tham gia tích cực, trên lý tưởng lấy đạo pháp để phụng sự dân tộc, của tất cả các tôn giáo dân tộc, từ Phật giáo đến Phật giáo Hòa Hảo, Cao Đài để chống ngoại bang và các thế lực độc tài trong suốt cả thế kỷ này nên tất cả các tôn giáo dân tộc đều bị những thế lực phi dân tộc, phản dân tộc này đàn áp, giết hại, bôi nhọ, xuyên tạc, chụp mũ, đánh phá mọi mặt. Với thế chính quyền, với phương tiện quy mô và sự tiếp tay của những kẻ nô lệ văn hóa, sử dụng các phương tiện báo chí, truyền thông, sách vở liên tục vu cáo, bôi đen, tuyên truyền, dựng đứng, bịa đặt và bóp méo, nguy tạo các sự thật lịch sử, suốt hàng chục năm qua nên các thế lực phi dân tộc đã đầu độc quần chúng và các nhà nghiên cứu không có kiến thức sâu xa, thiếu ý thức và lập trường dân tộc vững chắc.

Hay tệ hại và thảm hại hơn nữa có những kẻ đem nguyên con cái xấu xa, dã man, cái ác, cái dữ của tôn giáo mình để gán ghép, chụp mũ cho các tôn giáo khác để xuyên tạc, bôi nhọ các phong trào văn hóa-chính trị của Phật giáo Việt Nam hiện đại bằng cách gọi các phong trào này từ cuộc tranh đấu đòi thực thi bình đẳng tôn giáo năm 1963, cuộc vận động năm 1966 đòi thiết lập chính quyền dân sự với một quốc hội và hiến pháp; hay cuộc tranh đấu ôn hòa, bất bạo hiện tại, cho tự do tín ngưỡng, tự do tôn giáo, do Hòa Thượng Huyền Quang dẫn đạo, đều bị đặt tên là “những cuộc thánh chiến của Phật giáo dưới sự chỉ đạo của các cán bộ cộng sản nằm vùng.”⁵⁴ Bản án mà chính quyền hiện tại dành cho H.T. Quảng Độ và các tăng ni khác, sau hơn 10 năm bị lưu đày và H.T. Huyền Quang tiếp tục bị lưu đày từ năm 1982 đến nay đủ để chứng tỏ những sự chụp mũ, xuyên tạc này là bịnh hoạn và điên khùng như thế nào.

Vì sự thật và công lý, những người có ý thức và lương tâm phải đứng lên trừ tà hiển thánh, dựng đứng lại sự thật, phục hồi lại công lý và bảo vệ những thủ đô tâm linh, những di sản tinh thần, những thành trì văn hóa, những nét tinh anh đặc sắc của dân tộc. Sứ mạng này càng khẩn thiết và quan trọng hơn nữa trong giai đoạn Việt Nam đang được Tây Phương hóa dữ dội trên mọi mặt và nền văn hóa dân tộc cùng các truyền thống dân tộc đang bị suy tàn, tan rã.

Đến đây, có người sẽ hỏi tại sao chỉ coi Phật giáo, Phật giáo Hòa Hảo, Cao Đài là các tôn giáo dân tộc còn Thiên Chúa giáo thì sao? Theo Khâm Định Việt Sử Thông Giám Cương Mục, thì năm Nguyên Hòa thứ nhất (1533) đời vua Lê Trang Tông có một người Tây Dương tên là Ignatio theo đường biển lên vào giảng đạo Gia Tô ở các làng Ninh Cường, Quần Anh, Trà Lũ (thuộc tỉnh Nam Định cũ)⁵⁵. Như thế tính đến nay đạo Thiên Chúa đã có 466 năm lịch sử tại Việt Nam, nhưng vẫn chưa được coi là một tôn giáo có tính dân tộc, hòa đồng trọn vẹn trong lòng nền văn hóa tổng hợp, đa dạng của Việt Nam. Theo nhà nghiên cứu, giáo sư Trần Ngọc Thêm, trong tác phẩm gần đây, Cơ Sở Văn Hóa Việt Nam (LTS: xem hai bài điểm sách về tác phẩm này trong số này) thì lý do chính là “Kitô giáo đã thâm nhập vào Việt Nam song song với công cuộc thực dân xâm lược và đồng lõa với chúng. Với truyền thống bao dung, người Việt Nam chấp nhận mọi tôn giáo ngoại lai miễn là nó phù hợp và đến với thiện chí hòa bình, chưa hề có một tôn giáo ngoại lai nào đến cùng với chiến tranh xâm lược mà lại thành công.”⁵⁶ Giáo sư Thêm còn so sánh Kitô giáo với Nho giáo trong tình cảnh cùng đến từ thế của kẻ xâm lược và dù được truyền trong suốt hơn 1000 năm Bắc Thuộc, Nho giáo cũng không thịnh cho đến mãi khi được những chính quyền Việt Nam độc lập công nhận và xiển dương thì khi đó Nho giáo mới có chỗ đứng: “Nho giáo vào cùng với quân xâm lược ngay từ đầu công nguyên, nhưng chỉ đến thời Lý Trần, khi đã giành được độc lập và người Việt Nam chủ động thu nhận thì nó mới có chỗ đứng.”⁵⁷ Lý do khác là, “Kitô giáo là một tôn giáo mang nặng tính cách du mục (độc tôn, cứng nhắc, bảo thủ...) do vậy mà không hòa đồng được với văn hóa Việt Nam”⁵⁸ vốn là một nền văn hóa nông nghiệp đậm đà tính chất khoan dung, tự do, khai phóng, hiền hòa. Tác giả Trần Ngọc Thêm còn nêu lên rằng vấn đề nổi bật trong quan hệ giữa văn hóa dân tộc và Kitô giáo là mâu thuẫn giữa một bên là truyền thống thờ cúng tổ tiên của người Việt Nam với bên kia là tính độc tôn của Kitô giáo không chấp nhận việc thờ phụng ai ngoài Chúa. Việc cấm đoán thờ cúng ông bà, tổ tiên một cách độc đoán, khắt khe này mãi đến Công Đồng Vatican II (1962-1965) mới bị hủy bỏ vì Giáo hội Vatican từ chỗ đòi hỏi phải được đồng nhất ở khắp nơi

54 Vũ từ Giang: Ai Đã Gây Ra Thánh Chiến?, Bông Sen số 20, t 42.

55 Trần Ngọc Thêm, sđd, t 378.

56 sđd, t 386

57 sđd, t 387.

58 sđd, t 387.

đã chuyển thành một giáo hội hiệp nhất- một giáo hội biết tôn trọng những sự khác biệt và các sắc thái văn hóa truyền thống của các Giáo hội địa phương.⁵⁹

Cho nên để trả lời câu hỏi trên, tốt nhất là để cho các nhà trí thức Kitô giáo lên tiếng. Lý Chánh Trung đã từng viết: “*Một di sản nặng nề đè trên vai Giáo hội này: Tính cách hàm hồ mờ ám của buổi đầu thành lập Giáo hội, một thể kỷ công khai thỏa hiệp với kẻ chiếm đất, một chính sách ngu dân cố ý hay vô tình. Giáo hội chưa hòa đồng với nếp sống sinh hoạt của cộng đồng dân tộc, tuy rằng bây giờ không thể đẩy Giáo hội ra khỏi cộng đồng này. Giáo hội có mặt đây (một sự có mặt đáng sợ và gai mắt) như một mô ghép vào da thịt của dân tộc Việt.*”. Một trí thức Kitô giáo khác là Nguyễn Tử Lộc cũng đã viết: “*Sự truyền đạo Công giáo vào Việt Nam và sự phát triển của đạo trong đời sống xã hội Việt Nam đã khiến đạo có một tính cách rất ngoại quốc*

đối với phần còn lại của dân tộc. Tính chất ngoại quốc gồm cả hình thức đến nội dung, từ lễ nghi, nghệ thuật đến lối sống, tín ngưỡng. Đạo Công giáo có vẻ rất Tây, từ câu kinh La tinh đến ảnh tượng thờ, đến kiến trúc giáo đường, đến quan niệm con người và vũ trụ. Nó đối lập từng điểm với các tín ngưỡng đã có ở Việt Nam, một cách toàn diện.”⁶⁰

Những lời nhận định này cũng rất sáng tỏ để giải thích thêm tại sao gọi Phật giáo, Phật giáo Hòa Hảo, Cao Đài là các tôn giáo dân tộc. Và cần phải xác quyết rằng các tôn giáo dân tộc này là những phần quan trọng của quốc đạo Việt Nam và quả thật các tôn giáo dân tộc này đang là thánh địa cuối cùng của dân tộc. Và đang cần được bảo vệ và được phục hưng để bảo vệ dân tộc và phục hưng dân tộc. Đây không phải là nỗ lực quay về với quá khứ và bỏ quên tương lai, mà chính là một trong những nỗ lực để đến hiện đại từ truyền thống.

III. Một ngàn năm lập quốc (1009-2009) và tương lai một ngàn năm sau

Trong chiều hướng này, nhà nghiên cứu Đỗ Thuận Khiêm đã đưa ra một cách nhìn đúng đắn, chừng mực và tích cực khi viết: “*Dân tộc Việt, gồm nhiều sắc tộc khác nhau, trong hiện hữu từ rất lâu trong bộ tộc Môn-Khmer ở vùng Đông Nam Á châu. Đã tạo nên nền văn hóa đặc thù, có mặt đến nay đã gần 5000 năm, và đã cùng các dân tộc Môn-Khmer khác tạo nên nền văn minh Đông Sơn. Quốc gia Việt Nam (gồm cả xã hội nhân dân và Nhà Nước: dân có trước, nước có sau) đã được thành lập với các triều đại vua Hùng, nhưng rồi lại bị tộc Hán đô hộ những hơn 10 thế kỷ. Dành lại được độc lập từ thế kỷ thứ 10, nhưng phải nói rằng Quốc Gia Việt Nam được chính thức thành lập, lần thứ hai, từ năm 1009, khi Lý Công Uẩn lên ngôi. Làm lễ kỷ niệm 1000 năm lập quốc lần thứ hai (tức năm 2009, đây cũng là lễ kỷ niệm 1000 năm khai sáng thời đại Lý Đại, thời đại quân chủ Phật giáo) cũng là dịp để tưởng niệm và tri ơn đức hy sinh của bao thế hệ tiền nhân trong suốt quá trình dựng nước, giữ nước, giành lại nước và mở nước của lịch sử dân tộc. Không phải là để quay về với quá khứ, nhưng qua đó thấy được quy luật sống còn, hay lẽ sống, hay cái đạo sống của giòng sinh mệnh của quốc gia-dân tộc Việt, hầu xác định được những hướng đi vững chắc vào ngàn năm tới, thể theo những điều kiện mới, của dân tộc ta hiện nay cũng như của khung cảnh quốc tế thời đại. Từ mấy năm nay,*

nhiều người, trong nước cũng như ngoài nước, đã bỏ công tìm tòi nghiên cứu, cả trên hai mặt: Đặc tính nền tảng của văn hóa truyền thống Việt Nam và các trào lưu tu tưởng của thế giới Đông-Tây hiện nay, trước khi đi đến việc tổng hợp hai mặt đó, hay đúng hơn, trước khi hiện đại hóa những đặc tính văn hóa truyền thống của mình.”⁶¹

Đạo Cao Đài, cũng như Phật giáo và Phật giáo Hòa Hảo, tự thân, không những chỉ là một tổng hợp sáng tạo các truyền thống văn hóa, tâm linh, tín ngưỡng tôn giáo của dân tộc, mà còn là một tổng hợp sáng tạo của các trào lưu văn hóa, tâm linh, tín ngưỡng, tôn giáo của thời đại. Cho nên trước khi đi đến một tổng hợp sáng tạo cho Việt Nam trong thời nay này, cho thế kỷ 21 sắp đến, ta cần nghiên cứu, học hỏi những tổng hợp sáng tạo của các thế hệ trước, mà Phật giáo Hòa Hảo và Cao Đài là hai hiện tượng vô cùng đặc biệt, độc đáo của Việt Nam trong thế kỷ 20 này. Điều đáng để ta phải suy nghĩ là tại sao có những chủ thuyết do các trí thức khoa bảng tốt nghiệp các đại học danh tiếng ngoại quốc lập ra, và ngay cả được chính quyền coi như ý thức hệ chính thức và chính thống của chế độ, tuyên truyền, áp đặt bằng đủ mọi phương tiện, kể cả bằng bạo lực, bằng luật pháp, rồi lại có cả thể lực quốc tế tận tình hỗ trợ, như chủ nghĩa Cần Lao Nhân Vị của Đảng Cần Lao hay chủ nghĩa Mác

59 sdd, t 388.

60 sdd, t 386-387.

61 Đỗ Thuận Khiêm: Xã Tính Trong Triết Học Xã hội Hegel, Triết, t 75.

Xít của Đảng Cộng Sản, mà chỉ trong một thời gian ngắn, đã bị đào thải, không có mấy được người thật sự tin theo hay chỉ tồn tại trên danh nghĩa còn thực chất thì đã đi vào nghĩa trang lịch sử? Và tuyệt đối không để lại một dấu vết thương tiếc, tôn kính nào trong lòng nhân gian? Trong khi đó, cả Phật giáo Hòa Hảo và Cao Đài, được khai sáng bởi những người Việt Nam bình thường, bình dân, trung lưu, học lực chỉ tới cấp tiểu học (lớp 5), hay thành chung (lớp 9), hoàn toàn không có chính quyền, không có thế lực quốc tế nào cả, không những thế còn bị bức hại, đàn áp, thua thiệt đủ mọi bề, vậy mà vẫn có hàng triệu người theo, tin yêu, tôn thờ, nhiệt thành áp dụng trong đời sống hàng ngày và trung thành, sống chết cho đến hơi thở cuối cùng. Không những chỉ trong một thế hệ mà cả hai, ba thế hệ vẫn trao truyền tiếp nối không đứt đoạn dù chịu bao đày ải, bất công, cay đắng của bao chế độ bất khoan dung?

Đây là những kinh nghiệm lớn, những bài học lớn mà ta cần phải trân trọng học hỏi, và đương nhiên đó cũng là những di sản quý giá của Việt Nam mà ta cần khiếm tốn, thành khẩn tìm hiểu, nghiên cứu, chớ không thể đứng trên cái nhìn, cái học máy móc, phiến diện, thiên lệch, nông cạn của nhà trường, cái suy nghĩ, cái phân tích, lý luận bị Tây phương hóa, coi những cái gì của Tây Phương cũng là khuôn mẫu, là thước đo để đánh giá những giá trị văn hóa của dân tộc. Đó là sự nô lệ tư tưởng căn bản nhất. Đó chính là căn tính nô lệ nguy hiểm nhất. Có người, đứng ở lăng kính Thiên Chúa giáo, nghiên cứu về Phật giáo đã chê Phật giáo không có thần học hay siêu hình học theo quan niệm Tây Phương.⁶² Phật giáo, cũng như khoa học hiện đại, đâu cần những thứ giả tưởng đó. Nhà bác học Laplace, khi trình bày cho vua Napoléon lý thuyết thiên văn học mới của ông, vua hỏi, "Sao không nói gì đến Thượng Đế?" Laplace đã trả lời, rất trí tuệ, rất khoa học và cũng rất Phật giáo, "Tâu Hoàng Thượng, tôi không cần giả thuyết ấy."⁶³ Cũng vậy, đứng từ lăng kính Tây Phương, bị nô lệ, đóng khung trong những phạm trù, khái niệm Tây Phương mà nghiên cứu Đông Phương và Việt Nam thì nhiều khi rất sáng tỏ, nhưng cũng lắm khi rất sai lầm.

Ngoài ra, thái độ nghiên cứu và viết về văn hóa, lịch sử, tôn giáo Việt Nam một cách mĩa mai, châm biếm, một cách kiêu căng, trịch thượng là thái độ mà những nhà nghiên cứu khoa học nên tránh. Những đầu óc vì

đại nhất của Tây Phương hiện nay đều hướng về Đông Phương, đặc biệt là Phật giáo; và các nhà nghiên cứu Tây Phương có uy tín nhất, khi nghiên cứu văn hóa, tôn giáo Việt Nam, cũng có cái nhìn tôn kính, khâm phục. Đứng trên mặt nghiên cứu theo phương pháp và nhãn quan Tây Phương thì chủ nghĩa Cần Lao Nhân Vị hay chủ nghĩa Cộng Sản là quá hợp lý, rất hiện đại và vô cùng hấp dẫn. Thế nhưng tại sao cả hai đều không có ảnh hưởng sâu xa trong lòng nhân dân và bị dân tộc khước từ một cách rất quyết liệt, dửng dưng, dù được các chính quyền áp đặt quy mô, toàn diện theo một cách thế cũng rất quyết liệt, hung bạo? Chỉ việc Cao Đài, được sáng lập từ năm 1926 và Phật giáo Hòa Hảo, được sáng lập năm 1939, vẫn tồn tại ngày nay như một trong những tôn giáo lớn của Việt Nam với hàng triệu tín đồ- trong khi biết bao ý hệ, chủ nghĩa, lý thuyết, học thuyết, chính quyền, chính đảng, mặt trận, tổ chức hay ho, khoa học, cao siêu, rất Tây, rất Mỹ, rất tân thời, mới lạ, đều lặng lẽ và nhanh chóng đi vào thùng rác lịch sử. Chỉ sự kiện này thôi cũng đáng cho chúng ta phải trân trọng, khiếm cung nghiên cứu, học hỏi.

Một lý do chính nữa khiến ta phải nghiên cứu các tôn giáo dân tộc một cách tôn kính, nghiêm chỉnh và khiếm cung là tín đồ của cả hai tôn giáo Việt Nam này có một phong cách sống đặc biệt, thuần túy Việt Nam, vô cùng hiền hòa, đạo đức và gương mẫu. Riêng với Cao Đài thì một số lớn quý vị giáo phẩm lãnh đạo, các chức sắc cũng như các tín đồ là những người ăn chay trường. Đây là một đặc tính rất Phật giáo và cũng là rất hợp thời đại. Đây là một ưu điểm trội vượt, cao vượt hơn rất xa, về văn hóa, về sự tiến hóa tâm linh, cũng như về đạo đức, so với tất cả các tôn giáo Tây Phương và Cận Đông. Như trong thánh kinh Thiên Chúa giáo (Cựu Ước), chính Thiên Chúa (hay God, tức Thượng Đế, dịch đúng là Thần Gia Tô) cũng thích ăn thịt hơn là thích ăn rau trái (ăn chay). Chúa Trời sáng tạo ra Adam và Eva, hai người sinh được hai đứa con trai, đứa đầu tên là Cain (có nghĩa là ơn Chúa ban) và đứa sau tên là Aben. Cain làm nghề trồng trọt, còn Aben làm nghề chăn nuôi, săn bắn. Một ngày kia, Cain dâng lên Chúa các hoa màu thu hoạch được, Aben cũng dâng lên Chúa những con vật sinh đợt đầu tiên của đàn thú và là những con vật béo tốt nhất. Chúa vui vẻ đón nhận Aben và lễ vật của ông, nhưng không bằng lòng với Cain và lễ vật của ông này. Cain

62 Phạm Công Thiện: Phê Bình Luận Án Tiến Sĩ Triết học Của Nguyễn Văn Trung, Sài Gòn, t 28-31.

63 Trần Văn Giàu, sdd, t 241.

Phê Bình Những Phê Bình..

liền tức giận và sa sầm mặt lại...ST 4, 1-16.⁶⁴ Sau đó vì tức giận trước sự đối xử bất công của Chúa, chê bai các lễ vật rau trái (thuần túy đồ chay) của mình và khinh ghét mình, và Chúa chỉ thích ăn thịt và chỉ thương Aben là người dâng thịt các loài thú vật ngon béo cho Chúa nên Cain đã phạm tội tày trời là giết em ruột của mình: Cain nói với Aben em mình: Chúng ta hãy đi ra đồng. Khi hai người cùng ra giữa đồng, Cain bắt em và giết đi ST 4, 1-16.⁶⁵ Các sáng tạo của Thiên Chúa rất là thảm hại và thiếu đạo đức: Thế hệ đầu tiên nghe lời quỷ Sa Tăng, ăn trái cấm. Thế hệ thứ hai anh giết em ruột. Mà nguyên nhân thì rất là hèn hạ, ty tiện: Chúa thích ăn thịt nên thương yêu và đối xử không công bằng, một cách quá lộ liễu, thô bạo: khen ngợi người dâng đồ mặn, khinh chê người dâng đồ chay, nên khiến cho Cain, cũng là người rất tôn kính Chúa (nên mới dâng lễ vật rau trái làm ra bằng mồ hôi nước mắt lao động cày cấy, trồng trọt của mình) phải tức giận đến độ giết chết em ruột. Câu chuyện thật là kinh khủng (được trích lại nguyên văn từ cuốn "Kinh Thánh Của Các Bạn Trẻ") vượt quá sự tưởng tượng của con người có đạo đức bình thường.

Việt Nam có nhiều tội ác ly kỳ, nhất là 20 năm nay, khi kinh tế và đạo đức sụp đổ thảm hại, nhưng cũng chưa thấy có trường hợp nào vì miếng ăn của mình mà cha mẹ, ông bà phải làm cho con cái, anh em ruột thịt phải giết nhau. Qua sự thám sát đau thương này, ta thấy nhân cách của Chúa, sự tham ăn đồ mặn, nghĩa là tham ăn máu, thịt, sinh mạng của các loài vật vô tội, nguyên nhân chính và trực tiếp đưa đến việc anh em ruột thịt giết nhau, quả thật là quá thấp kém và tồi tệ. Việc ăn thịt, cá, nghĩa là ăn sinh mạng của các loài hữu tình, có trình độ tiến hóa thấp hơn con người, tuy là việc tàn nhẫn, nhưng vẫn được chấp nhận như một chuyện bình thường trong mức độ tiến hóa tâm linh của nhân loại hiện nay (nhưng đến một mức độ tiến hóa cao hơn thì chắc chắn đây không thể coi là chuyện bình thường được). Tuy nhiên nếu vì sự ăn uống này mà làm chuyện sát nhân hay là động lực, nguyên nhân đưa đến sự sát nhân thì đó là một trọng tội đáng lên án. Người cha người mẹ bình thường nào cũng đều thương con và thường tỏ sự thương yêu một cách bình đẳng. Chúa Trời chỉ vì miếng ăn mà để cho tình thương của mình lệch lạc, bất đồng đối với hai đứa cháu nội (tạm gọi như thế, Chúa sinh ra (sáng tạo) Adam và Eva, Adam và Eva đẻ ra Cain và Aben) thì quả

thật tình thương của Chúa đối với con người còn thấp kém hơn tình thương của một người cha, người mẹ bình thường hay các bậc ông, bà bình thường. Và than ôi, thật đáng thương xót cho những kẻ đi thờ lạy những ông Chúa, ông Thượng Đế vừa tầm thường, vừa bất bình thường như thế.

So với tôn giáo này, cùng với Hồi giáo, cũng một nền văn hóa du mục, hiếu chiến, độc tài, độc tôn, bất khoan dung, ăn thịt, uống rượu, kể cả trong giới tăng lữ cao cấp, thì đạo Cao Đài của Việt Nam, với một số lượng tín đồ ăn chay trường (hoàn toàn chỉ ăn rau trái, tuyệt đối không ăn thịt cá) rất đông đảo. Chỉ riêng điều này thôi cũng đã chứng tỏ được rằng đạo Cao Đài và các tín đồ Cao Đài nói riêng và tín đồ của các tôn giáo khác, cùng một bản chất thương yêu muôn loài nói chung, có một mức độ đạo đức và mức độ tiến hóa tâm linh cao hơn các tôn giáo ngoại lai vừa kể. Và vì vậy rất đáng cho ta nghiên cứu, tìm hiểu và học hỏi.

Truyền thống dân tộc, mà trong đó, đối với người Việt Nam, truyền thống tâm linh, tín ngưỡng, tôn giáo là phần quan trọng hàng đầu, cần phải được nhìn lại, đánh giá lại, khai sáng lại một cách đúng đắn để những tinh hoa, bản sắc đặc thù, quý giá của dân tộc được lưu truyền và phát huy và làm nền tảng tinh thần, làm chủ đạo văn hóa cho trào lưu đổi mới, hiện đại hóa đất nước hiện nay. Nếu không chúng ta và con cháu chúng ta sẽ mất gốc, lai căng và sẽ rơi vào sự nô lệ ngoại bang về tinh thần, tư tưởng, tâm linh, văn hóa, tôn giáo.

Đạo Cao Đài là một nỗ lực tiên phong trong việc bảo vệ, khai sáng, tổng hợp và đổi mới các truyền thống dân tộc, đặc biệt là các truyền thống tôn giáo. Cho nên thay vì nghiên cứu các ông triết gia Tây phương, chỉ liên quan một số ít người, ta cần dành ưu tiên cho sự nghiên cứu các tôn giáo dân tộc tại Việt Nam, có ảnh hưởng trên hàng triệu người và cũng là những mô hình tiêu biểu của việc tổng hợp các truyền thống tín ngưỡng và sáng tạo các tôn giáo mới mang tính đặc thù Việt Nam.

Mặt khác, nghiên cứu, chọn lọc và tiếp thu một cách sáng tạo, độc lập và chủ động các trào lưu Tây phương, trên các mặt khoa học, kỹ thuật, kinh tế, chính trị cũng như trên các lãnh vực văn hóa, nghệ thuật, tôn giáo, học thuật không những là việc làm cần thiết, mà còn là sứ

64 Thánh Kinh Của Các Bạn Trẻ, Verbo Divino, Tây Ban nha, 1993, t 26

65 sdd, t 27

mạng có tính cách sinh tử, sống chết đối với sự sống còn và phát triển của Việt Nam.

Sự nô lệ nặng nề, sau đậm nhất là sự nô lệ tôn giáo: Truyền thống làng Việt Nam, có cả nhiều ngàn năm lịch sử, với những đặc tính rất độc đáo, siêu việt, hoàn toàn bị phá hủy, bị tiêu diệt trong những làng dân chúng theo đạo Gia Tô La Mã⁶⁶. Sự nô lệ đau thương tủi nhục của Việt Nam trong suốt gần 150 năm nay là những bằng chứng của việc không học hỏi, hay học hỏi một cách nông nổi, ngu si cuồng dại Tây phương. Cũng như sự thành bại của cuộc cách mạng phát triển của Việt Nam ngày nay và trong thế kỷ 21 sắp đến tùy thuộc một phần lớn vào sự nghiên cứu, học hỏi, chọn lọc, tiếp thu, vận dụng văn minh Tây Phương và các nước khác tại Đông Á.

Từ 65 năm trước, đạo Cao Đài cũng đã có những nỗ lực tổng hợp văn hóa và tôn giáo, ở mức độ toàn cầu, toàn thế giới, trên sự chủ động Việt Nam, bằng sự sáng tạo Việt Nam và trong tinh thần thuần túy Việt Nam. Trong một giai đoạn nô lệ mất nước, nhiều người, kể cả những kẻ trí thức, khoa bảng, hay ông này bà nọ, chạy theo ngoại bang, phục tùng hèn hạ, nô lệ điểm nhục các nhân vật và các sản phẩm của Tây Phương, từ hàng hóa, đồ đạc đến tôn giáo và chủ nghĩa, mà vẫn có những người Việt Nam chủ động, sáng tạo rút tía ra những cái hay của người, khai sáng những cái tốt của mình để tổng hợp thành một tôn giáo mới, có tính quốc tế nhưng cũng rất độc đáo, đặc thù Việt Nam. Còn gì đáng quý hơn nữa. Và cuối cùng, trong một thời kỳ đen tối của tổ quốc, chủ quyền quốc gia bị dẫm nát, độc lập dân tộc bị tước đoạt, nhân dân bị thống trị, bị giết hại, bị đày ải, bị bóc lột, bị nhục mạ bởi thực dân Pháp và các phần tử tay sai của giặc cướp Tây Phương và nhiều người đua nhau bán mình, bán linh hồn để phục dịch cho chúng. Thì Phạm Công Tắc, được coi như giáo chủ của đạo Cao Đài, đã can đảm, khí khách chống lại bọn cướp nước. Cũng như Phan Bội Châu, khi mới 17 tuổi đã viết bài hịch Bình Tây Thu Bắc, Phạm Công Tắc 17 tuổi, dù đang học ngôi trường số một của thực dân Pháp tại Đông Dương, là trường Chasseloup Laubat, đã bỏ học đi đấu tranh chống Pháp. Và ông đã bị chúng lưu đày qua Madagascar năm năm trời và tòa thánh Tây Ninh bị thực dân đóng cửa. Trong khi đó, Ngô Đình Diệm làm gì trong lúc trẻ? Ông ta làm quan cho một triều đình đã đầu hàng và đang trở thành công cụ của Pháp, thời buổi có hành động chống

Pháp là có thể bị lên máy chém mất đầu, hay có ý định chống Pháp cũng bị đày ải, tù đập, thế mà ông ta lên chức rất nhanh, từ quận trưởng lên tỉnh trưởng, rồi bộ trưởng. Thời đó bất cứ sự thăng thưởng nào của các quan lại triều đình Huế cũng đều có sự phê chuẩn đồng ý của thực dân Pháp. Thực tế và sự thật lịch sử là thế, vậy mà chẳng bao lâu sai đó giáo chủ Phạm Công Tắc bị chụp mũ là tay sai ngoại bang và bị bôi nhọ những điều xấu xa khác, còn tổng thống Ngô Đình Diệm trở thành “lãnh tụ anh minh.”

Những sự chà đạp lịch sử, những sự bất công này cần phải được làm sáng tỏ. Là một tôn giáo thuần túy Việt Nam và một tôn giáo chân chánh dân tộc với những người lãnh đạo là những nhà ái quốc đáng kính, đạo Cao Đài, cũng như Phật giáo Hòa Hảo, phải có chỗ đứng xứng đáng, cao cả trong giòng lịch sử đấu tranh giải phóng dân tộc và trong giòng sinh mệnh tôn giáo, văn hóa, chính trị Việt Nam. Đứng từ tâm điểm Dân Tộc và Đạo Pháp, hay nói cách khác, từ nguồn ý thức quốc gia, dân tộc và nguồn tín ngưỡng ái quốc thì đạo Cao Đài, cùng với Phật giáo Việt Nam và Phật giáo Hòa Hảo là những mặt trời rực rỡ chói sáng của bầu trời tâm linh Việt Nam. Thấp sáng những tia lửa mặt trời Việt Nam tạo niềm tin yêu cho nhân dân trong lúc tất cả đã sụp đổ đập tan, và phá hủy, quét sạch những bóng tối, của các thế lực hắc ám Tây phương và những cặn bã của những thời nô lệ.

Không nói ra, nhưng trong suốt thế kỷ này, cái gì đang cưu mang Việt Nam trong lòng để che chở cho Việt Nam khỏi sự tàn phá của cơn lốc bão tố xâm lăng, đồng hóa, cái gì là thành lũy bảo vệ dân tộc trong những giai đoạn nghiệt ngã, mù mịt, bế tắc? Cái gì là thánh địa của tâm hồn Việt khi thân xác đã bị xô đập, vùi lấp trong bùn đen? Cái gì là thủ đô của kháng chiến, của quật khởi, và của chiến thắng? Suốt hai ngàn năm qua, suốt hơn 100 năm nay. Các tôn giáo dân tộc là một phần trong sáng, một phần nhiệm mầu của Việt Nam và của văn hóa Việt Nam. Của tinh thần khai phóng, khoan dung, tổng hợp và dung hóa. Đây cũng là bản sắc và nét đặc thù của quốc đạo Việt Nam, của truyền thống Việt Nam.

Cuộc hành trình đi tìm một triết lý cho Việt Nam, một chủ đạo văn hóa chính trị Việt Nam, một nền độc lập văn hóa, tư tưởng Việt Nam không thể không đi đến và đi ngang qua sự khai sáng những truyền thống văn

66 Phan Tấn Lộc: Đặc Tính Của Nền Văn Hóa Truyền Thống, Triết, t 241.

Phê Bình Những Phê Bình..

hóa, tâm linh, tín ngưỡng Việt Nam, khai sáng truyền thống suy nghĩ, hành động, sáng tạo của tiền nhân, khai sáng những tôn giáo dân tộc, và khai sáng những kinh nghiệm tổng hợp, dung hóa của các thế hệ đi trước. Đi tìm một nền triết học Việt Nam, một nền quốc học Việt Nam, hay sâu xa hơn, toàn diện hơn, đi tìm một quốc đạo Việt Nam, không thể không có sự nghiên cứu khoa học, nghiêm chỉnh với tinh thần khiêm tốn, cẩn trọng về Phật giáo Việt Nam và các tôn giáo dân tộc khác như Cao Đài và Phật giáo Hòa Hảo. Các tôn giáo này là một phần quan trọng của kinh nghiệm Việt Nam, của tổng hợp Việt Nam, của sáng tạo Việt Nam trong thế kỷ 20 này cũng như trong suốt hàng ngàn năm qua. Những kinh nghiệm, sáng tạo và tổng hợp không phải tự nhiên mà có, mà có gốc rễ lịch sử, có ngọn nguồn tâm linh, có truyền thống tín ngưỡng, tôn giáo từ xa xưa.

Dân tộc Việt Nam là một đại gia đình huyết thống và lịch sử. Dân tộc Việt Nam cũng là một đại gia đình văn hóa và tâm linh. Di sản của quá khứ, châu báu của tổ tiên phải được con cháu chúng ta khai phá, hiển sáng và học hỏi để làm nền cho sự xây dựng một chủ đạo văn hóa và chính trị mới thay thế các ý thức hệ Tây Phương đã tàn phá trầm trọng quê hương và đã chứng tỏ là bất lực, vừa không hợp lòng dân, vừa trái chống với thời đại. Trong bàn tay của chúng ta, trong trái tim và đầu óc của chúng ta, và ngay cả trong 75 ngàn tỷ tế bào của mỗi con người chúng ta, đều có sẵn những hạt giống hùng mạnh, tươi tốt của truyền thống và quốc đạo dân tộc. Hãy chọn lọc những hạt giống đẹp nhất và gieo xuống trên quê hương, gieo xuống trong lòng nhân dân và gieo vào trong lòng các thế hệ trẻ. Đất nước nhất định sẽ có những mùa xuân. Thật ra mùa xuân của Việt Nam đã có sẵn trong mỗi chúng ta.

